

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020”

Thực hiện Chương trình công tác trọng tâm năm 2021, Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020” (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 08-NQ/TW). Trên cơ sở theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW; phân tích, tổng hợp báo cáo của 63/63 tỉnh ủy, thành ủy và báo cáo của 13 bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương; ý kiến đóng góp của các chuyên gia, nhà khoa học, Ban Tuyên giáo Trung ương xây dựng Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW. Báo cáo gồm 03 phần:

- Phần thứ nhất: Tình hình triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW;

- Phần thứ hai: Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển thể dục, thể thao trong thời gian tới;

- Phần thứ ba: Đề xuất, kiến nghị.

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 08 – NQ/TW**

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC HỌC TẬP, QUẢN TRIỆT, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ SƠ KẾT, TỔNG KẾT NGHỊ QUYẾT SỐ 08 – NQ/TW

1. Việc tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 08-NQ/TW

Ngay sau khi Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị được ban hành, Ban Tuyên giáo Trung ương đã chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Hướng dẫn số 40-HD/BTGTW-BCSĐBVHTTDL, ngày 05/3/2012 về việc thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW; tổ chức hội nghị quán triệt Nghị quyết số 08-NQ/TW cho cán bộ chủ chốt ngành Tuyên giáo bằng hình thức học tập theo chuyên đề về lĩnh vực thể dục, thể thao.

Ban cán sự đảng, Đảng đoàn một số ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương đã tổ chức học tập, quán triệt, triển khai Nghị quyết 08-NQ/TW và các văn bản liên quan một cách kịp thời, nghiêm túc và định kỳ báo cáo về Ban Tuyên giáo Trung ương (phụ lục 1).

Các tỉnh, thành ủy, các cấp ủy đảng, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã xây dựng chương trình hành động, tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung của Nghị quyết số 08-NQ/TW đến cán bộ chủ chốt¹. Đa số tỉnh, thành ủy đã tổ chức phổ biến, quán triệt, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền nội dung của Nghị quyết số 08-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân².

2. Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo nhằm cụ thể hóa và triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 08-NQ/TW

Các chủ trương của Đảng về phát triển thể dục, thể thao đã được khẳng định trong Nghị quyết Đại hội và các nghị quyết có liên quan³ nhằm lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân và hệ thống chính trị triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp phát triển thể dục, thể thao.

Ủy ban Văn hóa - Giáo dục của Quốc hội đã phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu cho Quốc hội sửa đổi, bổ sung và ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao và các lĩnh vực có liên quan tạo hành lang pháp lý cho việc quản lý và phát triển thể dục, thể thao. Qua đó, khẳng định thể dục, thể thao là một trong những chính sách xã hội quan trọng.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 01 nghị quyết, 16 quyết định, 08 nghị định về các hoạt động trong lĩnh vực thể dục, thể thao và các văn bản có liên quan để chỉ đạo, cụ thể hoá các nhiệm vụ, giải pháp và phân công rõ trách nhiệm của các bộ, ngành, ủy ban nhân dân các cấp nhằm đẩy mạnh việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 08-NQ/TW (Phụ lục 1).

Các bộ, ngành có liên quan đã chủ động phối hợp, tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành chiến lược, quy hoạch, đề án, chính sách nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực thể dục, thể thao; xây

¹ 14 tỉnh ủy, thành ủy: Bắc Kạn, Đắk Lắk, Đồng Nai, Hòa Bình, Khánh Hòa, Kon Tum, Lào Cai, Long An, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Ngãi, Thành phố Hồ Chí Minh, Thừa Thiên Huế, Vĩnh Phúc.

² 50 tỉnh ủy, thành ủy: An Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bắc Cạn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Bạc Liêu, Bến Tre, Bình Định, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Cà Mau, Cần Thơ, Đà Nẵng, Đắk Nông, Điện Biên, Đồng Tháp, Gia Lai, Hà Giang, Hà Nam, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hải Phòng, Hậu Giang, Hòa Bình, Hưng Yên, Kiên Giang, Lai Châu, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Nghệ An, Ninh Thuận, Phú Thọ, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ninh, Quảng Trị, Sóc Trăng, Sơn La, Tây Ninh, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Tiền Giang, Trà Vinh, Tuyên Quang, Vĩnh Long, Yên Bái.

³ Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “Công tác dân số trong tình hình mới”, ...

dựng, hoàn thiện thể chế, đổi mới công tác tổ chức, quản lý nhà nước về thể dục, thể thao. Đồng thời, xây dựng các chương trình phối hợp để chỉ đạo, quản lý hoạt động thể dục, thể thao (Phụ lục 1).

Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã ban hành Hướng dẫn số 20/HD-ĐCT-TG, ngày 03/9/2013 thực hiện chủ trương “Mỗi cơ sở Hội duy trì một hình thức văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao”; Ký kết Chương trình phối hợp số 639/CTPH-BVHTTDL-HLHPNVN, ngày 23/02/2018 giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch giai đoạn 2018 – 2020.

Ở cấp tỉnh, thành phố, các loại hình văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW được các tỉnh ủy, thành ủy ban hành khá phong phú, đa dạng như: nghị quyết, chỉ thị, chương trình hành động, hướng dẫn, kế hoạch với 125 văn bản. Trong đó, 17 tỉnh ủy, thành ủy ban hành nghị quyết; 16 tỉnh ủy, thành ủy ban hành chỉ thị; 41 tỉnh ủy, thành ủy ban hành chương trình hành động; 15 tỉnh ủy, thành ủy ban hành kết luận; 11 tỉnh ủy, thành ủy ban hành hướng dẫn; 25 tỉnh ủy, thành ủy ban hành kế hoạch. Đặc biệt, có 04 tỉnh ủy, thành ủy ban hành đồng thời nghị quyết và chỉ thị⁴.

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, kế hoạch, chương trình hành động, công văn, hướng dẫn với 944 văn bản các loại nhằm triển khai, thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW (Phụ lục 1). Qua đó, kịp thời đề ra nhiều giải pháp cụ thể giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Đồng thời, đưa các chỉ tiêu phát triển thể dục, thể thao vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW

- Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW được tiến hành ngay sau khi các văn bản này được triển khai. Ban Tuyên giáo Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy thực hiện, lồng ghép với việc kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, chỉ thị khác có liên quan đến công tác thể dục, thể thao.

Ban cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiến hành kiểm tra thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW theo chuyên đề. Ban cán sự đảng các bộ, ngành, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương đã phối hợp kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW lồng ghép với việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị khác có liên quan đến các lĩnh vực phụ trách.

⁴ Lào Cai, Điện Biên, Quảng Ninh, Trà Vinh.

Các tỉnh ủy, thành ủy đã đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW nghiêm túc (Phụ lục 2). Hằng năm, một số tỉnh ủy, thành ủy tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW bằng các hình thức phong phú, đa dạng như lồng ghép với kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương⁵; đưa vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm⁶; hoặc tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW theo chuyên đề.

- Công tác sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW được các bộ, ngành Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc.

Ban Tuyên giáo Trung ương đã nghiêm túc hướng dẫn, đôn đốc công tác sơ kết, tổng kết và báo cáo thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW. Năm 2016, Ban Tuyên giáo Trung ương đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và địa phương tiến hành sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW.

Ban cán sự đảng các bộ, ngành, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đã tích cực, chủ động sơ kết, tổng kết Nghị quyết số 08-NQ/TW thông qua việc tổng kết công tác hằng năm tại cơ quan, đơn vị. Ngoài ra, công tác sơ kết, tổng kết Nghị quyết số 08-NQ/TW được tiến hành lồng ghép với các hoạt động sơ kết, tổng kết các đề án, chương trình, dự án do các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương chủ trì.

Đến nay, đã có 63/63 tỉnh ủy, thành ủy định kỳ tiến hành sơ kết và tổng kết Nghị quyết số 08-NQ/TW; Có 08/63 tỉnh ủy, thành ủy tiến hành sơ kết, tổng kết Nghị quyết số 08-NQ/TW lồng ghép gắn với việc sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết, luật pháp, chương trình hành động và các phong trào⁷; một số tỉnh ủy, thành ủy đã tổ chức sơ kết công tác thể dục, thể thao định kỳ 06 tháng và 1 năm⁸.

II. KẾT QUẢ 10 NĂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 08-NQ/TW

1. Chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất và thể thao trong trường học đã được nâng lên và bước đầu có sự đổi mới

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, chăm lo sự nghiệp giáo dục. Xác định công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học là bộ phận quan trọng của phong trào thể dục, thể thao; là một mặt của giáo dục toàn diện nhân cách học sinh, sinh viên. Cùng với việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW và Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung

⁵ An Giang, Bắc Giang, Bắc Ninh, Bình Phước, Bình Thuận, Cao Bằng, Cà Mau, Cần Thơ, Điện Biên, Đồng Tháp, Hà Nam, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hoà Bình, Lai Châu, Lạng Sơn, Long An, Nam Định, Ninh Thuận, Phú Thọ, Quảng Bình, Sơn La, Thái Bình, Thái Nguyên, Tiền Giang, Yên Bái.

⁶ Bắc Kạn, Bắc Giang, Hòa Bình, Khánh Hòa, Lạng Sơn, Sơn La, Thái Nguyên, TP.Hồ Chí Minh, Vĩnh Phúc.

⁷ Bạc Liêu, Đắk Lắk, Đồng Nai, Hà Nội, Phú Yên, Quảng Trị, Trà Vinh, Tuyên Quang.

⁸ Hà Nội, Khánh Hòa, Quảng Bình.

ương 8 (Khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học đã đạt được kết quả bước đầu. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025 với mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất và thể thao trường học.

Công tác giáo dục thể chất và thể thao trong trường học đã có những chuyển biến tích cực. Chương trình môn học Giáo dục thể chất năm 2018, cơ bản đã bảo đảm cung cấp kiến thức, kỹ năng và duy trì thói quen tập luyện thể dục, thể thao cho học sinh. Việc xây dựng và ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất nằm trong Chương trình giáo dục phổ thông mới bắt đầu được triển khai thực hiện trong năm học 2020-2021. Việc đổi mới Chương trình môn học Giáo dục thể chất, mục tiêu, nội dung, phương pháp, kiểm tra, đánh giá chất lượng môn học bảo đảm tính cân đối, thống nhất, có tính kế thừa và phát triển giữa các cấp học.

Giờ học thể dục chính khóa trong nhà trường được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định⁹. Nhiều nội dung tập luyện được đưa vào các hoạt động ngoại khóa, đặc biệt là các môn thể thao dân tộc, trò chơi dân gian được lồng ghép với phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”¹⁰. Hằng năm, các trường phổ thông triển khai tổ chức kiểm tra, đánh giá và xếp loại thể lực học sinh¹¹.

Hình thức tổ chức và nội dung tập luyện thể dục, thể thao của học sinh, sinh viên ngày càng phong phú, đa dạng và dần đi vào nề nếp¹². Hệ thống các câu lạc bộ thể dục, thể thao trường học¹³ có tổ chức, người hướng dẫn ngày càng phát triển¹⁴. Hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa của học sinh, sinh viên được quan tâm tổ chức thường xuyên¹⁵, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất, tạo môi trường sống lành mạnh, đẩy lùi các tệ nạn xã hội và thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

⁹ Tính đến cuối năm 2020, số trường học đảm bảo chương trình giáo dục thể chất chính khóa đạt khoảng gần 100%.

¹⁰ Đến nay, 100% các cơ sở giáo dục mầm non triển khai thực hiện nội dung, mục tiêu phát triển thể chất cho trẻ em theo hướng tích hợp với các hoạt động giáo dục khác trong chương trình giáo dục mầm non; 100% các trường phổ thông giảng dạy môn thể dục với thời lượng 2 tiết/tuần theo khung chương trình; 100% học sinh, sinh viên thực hiện đầy đủ chương trình chính khóa.

¹¹ Tổng số học sinh đạt tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thể lực năm học 2019-2020: Tiểu học có 7.232.437 em/8.506.562 em, chiếm tỉ lệ 85%; THCS có 4.636.439 em/5.455.875 em, chiếm tỉ lệ 84,9%; THPT có 2.262.914 em/2.563.431 em, chiếm tỉ lệ 88,2%; Trường phổ thông nhiều cấp học có 256.420 em/319.200 em, chiếm tỉ lệ 80,3%.

¹² 100% các trường phổ thông triển khai thực hiện và duy trì việc tập thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ, bài Võ cổ truyền; khoảng 80% tổng số học sinh, sinh viên tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa.

¹³ Các câu lạc bộ: Võ, bóng đá, bóng rổ, cầu lông, đá cầu, cờ vua...

¹⁴ 100% các cơ sở giáo dục phổ thông (tiểu học, THCS, THPT) có câu lạc bộ thể thao học sinh, có giáo viên, hướng dẫn viên và duy trì hoạt động thường xuyên.

¹⁵ Theo Báo cáo của Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến cuối năm 2020, khoảng 80% số trường thường xuyên tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa.

Hệ thống giải thi đấu thể thao trong học sinh, sinh viên được duy trì và phát triển¹⁶, thu hút được số lượng lớn học sinh, sinh viên tham gia tập luyện¹⁷. Qua đó đã tuyển chọn lực lượng đại diện cho học sinh, sinh viên tham dự và đạt được nhiều kết quả tốt tại các kỳ Đại hội Thể thao học sinh, sinh viên Đông Nam Á.

Đội ngũ giáo viên giáo dục thể chất và thể thao trường học đã được tăng cường, chất lượng chuyên môn được nâng cao¹⁸. Hầu hết các giảng viên, giáo viên giáo dục thể chất được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ¹⁹ về võ cổ truyền, các bài tập thể dục giữa giờ, phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước và tổ chức các giải thể thao dành cho học sinh, sinh viên²⁰ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và tổ chức thể thao trong các nhà trường. Hằng năm, nhiều địa phương đã tổ chức thi giáo viên dạy giỏi môn giáo dục thể chất²¹. Chế độ, chính sách đối với giáo viên, giảng viên giáo dục thể chất được thực hiện đầy đủ²².

Hệ thống cơ sở vật chất, sân chơi, bãi tập, công trình thể thao, dụng cụ tập luyện thi đấu thể thao ở trường học các cấp bước đầu được quy hoạch và đầu tư xây dựng²³. Công tác xã hội hóa đối với công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học từng bước được quan tâm thực hiện có hiệu quả. Nhiều đại hội, giải đấu thể thao học sinh, sinh viên đã thu hút đầu tư của đông đảo các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, các đoàn thể, hiệp hội²⁴.

¹⁶ Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc, Hội thi Văn nghệ thể thao dân tộc Nội trú và Hội thi Nghiệp vụ Sư phạm - Văn nghệ - Thể dục Thể thao, Đại hội thể thao sinh viên toàn quốc là những hoạt động được tổ chức xen kẽ theo chu kỳ 4 năm một lần với quy mô toàn quốc; Hội Thi thể thao học sinh khuyết tật toàn quốc theo chu kỳ 2 năm một lần với quy mô toàn quốc; Các giải vô địch từng môn thể thao đối với học sinh phổ thông, sinh viên Đại học và Chuyên nghiệp được tổ chức định kỳ hàng năm, như: Điền kinh, Bơi, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Bóng bàn, các môn võ...

¹⁷ Năm học 2019-2020, tổng số học sinh phổ thông (tiểu học, THCS, THPT) là 16.845.068 em. Số học sinh tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên là 16.142.832 em. Trong đó: Khối Tiểu học gồm 7.104.326 em chiếm tỉ lệ 83,5% trên tổng số 8.506.562 em; Khối THCS gồm 5.253.815 em chiếm tỉ lệ 96,2 % trên tổng số 5.455.875 em; Khối THPT gồm 2.530.130 em chiếm tỉ lệ 98,7 % trên tổng số 2.563.431 em; Khối trường Phổ thông nhiều cấp học gồm 315.010 em chiếm tỉ lệ 98,6 % trên tổng số 319.200 em.

¹⁸ Đến nay, trên toàn quốc đã có 45.538 giảng viên, giáo viên giáo dục thể chất (theo số liệu điều tra của 61 cơ sở Giáo dục và Đào tạo và 45 cơ sở đào tạo), trong đó có 72 giảng viên, giáo viên trình độ Tiến sĩ; 2.450 trình độ thạc sĩ; 35.626 trình độ cử nhân và 7.390 trình độ khác.

¹⁹ Trong năm 2019-2020, có 13.918 giáo viên giáo dục thể chất được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

²⁰ Giải taekwondo học sinh 3 miền; giải điền kinh học sinh phổ thông; giải bóng rổ học sinh phổ thông; giải bơi học sinh phổ thông, giải bóng bàn, cầu lông người giáo viên nhân dân và sinh viên toàn quốc...

²¹ Bắc Ninh, Đà Nẵng, Thành phố Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Long An, Phú Thọ, Quảng Trị, Tiền Giang, Thanh Hóa, Vĩnh Long, ...

²² 100% các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục đại học đã triển khai thực hiện quy định về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao.

²³ Cơ sở giáo dục đại học có 64% số cơ sở đào tạo có nhà tập thể dục thể thao; 13% số cơ sở đào tạo có bể bơi; 72% số cơ sở đào tạo có sân tập thể dục thể thao; diện tích trung bình 2,08m²/sinh viên, có gần 7 sân tập/trường ở các môn (Cầu lông, Bóng chuyền, Bóng rổ). Tính đến tháng 6/2020, cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập, tập luyện thể dục thể thao cho học sinh của toàn ngành Giáo dục: (1) Mầm non: Nhà tập/phòng tập: 3903; sân tập: 13.582; bể bơi: 156; sân chơi: 18.476; cơ sở vật chất khác: 1633; (2) Tiểu học: Nhà tập/phòng tập: 1632; sân tập: 13.970; bể bơi: 897; sân chơi: 16.432; cơ sở vật chất khác: 1321; (3) THCS: Nhà tập/phòng tập: 1832; sân tập: 10.911; bể bơi: 402; sân chơi: 11.236; cơ sở vật chất khác: 459; (4) THPT: Nhà tập/phòng tập: 3234; sân tập: 3631; bể bơi: 156; sân chơi: 2679; cơ sở vật chất khác: 969; (5) Cơ sở giáo dục đại học (khảo sát 45 trường): Nhà tập/phòng tập: 45; sân tập: 64; bể bơi: 05; các sân thể thao (bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông...): 338.

²⁴ Hội khỏe Phù Đổng, Đại hội Thể thao học sinh, sinh viên Đông Nam Á; Giải Bóng đá Hội khỏe Phù Đổng học sinh Tiểu học và Trung học cơ sở toàn quốc Cup Milo; Giải Bóng rổ sinh viên Cup Nutifood; Giải Bóng đá sinh viên tranh Cup VTC; Giải Vovinam học sinh, sinh viên; Giải Quần vợt người giáo viên nhân dân Cup Sông Hồng

2. Thể dục, thể thao quần chúng có bước phát triển mới

Sau 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, phong trào thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục phát triển rộng rãi trong các đối tượng. Sự gia tăng số lượng người tập thể dục, thể thao thường xuyên²⁵, đa dạng các loại hình tập luyện, các câu lạc bộ và chất lượng của các hoạt động thể dục, thể thao²⁶.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện rộng khắp cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” gắn với tổ chức “Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Chương trình xây dựng nông thôn mới”, và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đã tạo ra động lực thúc đẩy phong trào thể dục, thể thao ở cơ sở phát triển mạnh mẽ²⁷. Nhằm đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao trong mọi đối tượng, các chương trình phối hợp giữa các bộ, tổ chức chính trị - xã hội đã được ký kết và triển khai²⁸.

Có nhiều địa phương quan tâm đến công tác bảo tồn, phát triển các môn thể thao dân tộc, trò chơi dân gian, các môn thể thao mới, thể thao giải trí gắn kết với hoạt động du lịch²⁹ đã góp phần giáo dục truyền thống văn hóa của dân tộc và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, phát triển thể chất của nhân dân.

Thể dục, thể thao nhằm phòng chống mệt mỏi gắn với phong trào “Xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa” trong khối công nhân, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị, khu công nghiệp ngày càng mở rộng và phát triển đa dạng các loại hình thể dục, thể thao.

Thể dục, thể thao trong lứa tuổi thanh thiếu nhi tiếp tục được đẩy mạnh, như phong trào “Khỏe để lập nghiệp và giữ nước”. Nhiều hoạt động văn hóa, thể thao tại các Cung, Nhà Thiếu nhi, Trung tâm hoạt động Thanh thiếu nhi, Trung tâm Văn hóa - Thể thao đã thu hút đông đảo thanh thiếu niên, nhi đồng.

Thủ đô; Cầu lông người giáo viên nhân dân Cup Ba Sao....

²⁵ Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên tăng từ 24,1% năm 2011, 29,53% năm 2016 lên 34,4% năm 2020 (tăng 10,3% so với năm 2011); tỷ lệ gia đình tập luyện thể dục, thể thao tăng từ 16,0% năm 2011, 21,15% năm 2016 lên 25,8% năm 2020 (tăng 5,8% so với năm 2011); số lượng câu lạc bộ thể dục, thể thao cơ sở tăng từ 40.141 (năm 2011), 51.589 (năm 2016) lên 64.637 (năm 2020); tổng số cơ sở thể thao không nhằm mục đích kinh doanh, năm 2011 là 15.728, năm 2016 là 18.407 và năm 2020 là 22.670 cơ sở; số lượng cơ sở, tổ chức thể thao người khuyết tật tăng từ 110 (năm 2011), 129 (năm 2016) lên 196 (năm 2020).

²⁶ Theo Báo cáo của Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Hiện có hơn 73 nghìn câu lạc bộ thể dục, thể thao quần chúng hoạt động thường xuyên. Hầu hết xã, phường, thị trấn có hội đồng thể dục, thể thao, câu lạc bộ hoặc nhà văn hóa thể thao; có khoảng 45% xã, phường, thị trấn có sân chơi, bãi tập.

²⁷ Năm 2014, Đại hội TDTT cấp xã có 10.978/11.162 xã, phường, thị trấn tổ chức, đạt tỷ lệ 98,5%; Đại hội TDTT cấp huyện có 712/713 huyện tổ chức, đạt tỷ lệ 99,8%; Đại hội TDTT cấp tỉnh, có 63/63 tỉnh, thành tổ chức đạt tỷ lệ 100%; Năm 2018, Đại hội TDTT cấp xã có 11.114/11.162 xã, phường, thị trấn tổ chức Đại hội TDTT đạt 99,56%; 712/713 quận, huyện, thị xã tổ chức Đại hội TDTT cấp huyện, đạt 99,5% và 63/63 tỉnh/thành đã tổ chức Đại hội, đạt 100%. Số câu lạc bộ TDTT các loại bao gồm cả công lập và dân lập năm 2005 là 32.000, năm 2010 là 40.000, năm 2014 là 48.000, đến năm 2020 đã tăng lên trên 66.000 câu lạc bộ TDTT.

²⁸ Chương trình phối hợp giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với: Ủy ban Dân tộc, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Hội Người Cao tuổi Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Công đoàn viên chức Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

²⁹ Bình Thuận, Đà Nẵng, Hải Dương, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Ninh Bình, Quảng Ninh.

Thể dục, thể thao Người cao tuổi được phát triển rộng khắp, đặc biệt là ở thành phố, thị xã, thị trấn. Việc tập luyện thể dục, thể thao đã trở thành một nhu cầu thiết yếu đối với người cao tuổi, góp phần nâng cao sức khỏe, tuổi thọ, từng bước cải thiện chất lượng cuộc sống của người cao tuổi³⁰.

Thể thao người khuyết tật được quan tâm phát triển, góp phần động viên, cổ vũ, tạo điều kiện cho người khuyết tật hoà nhập với cộng đồng³¹; Đoàn thể thao người khuyết tật đã đạt nhiều thành tích xuất sắc tại Đại hội thể thao người khuyết tật Đông Nam Á, châu Á và thế giới.

Công tác tổ chức thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang có nền nếp, đạt chất lượng, góp phần xây dựng lực lượng vũ trang tinh nhuệ, chính quy, hiện đại. Quan tâm thực hiện chương trình phối hợp quản lý, chỉ đạo hoạt động thể dục, thể thao trong Quân đội Nhân dân và Dân quân tự vệ³². Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình trên các tuyến biên giới, hải đảo đã phát huy vai trò gương mẫu, tích cực của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang trong việc vận động nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo tích cực tập luyện thể dục, thể thao nâng cao sức khỏe, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống, xây dựng khối đại đoàn kết, đảm bảo quốc phòng an ninh.

Công tác thể dục, thể thao ở cơ sở được các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, huy động sự đóng góp của nhân dân và toàn xã hội nhằm đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao. Nhiều địa phương³³, ngành đã khuyến khích các cơ sở tư nhân, các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực thể dục, thể thao, như xây dựng cơ sở vật chất, đào tạo nguồn vận động viên, tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao ... Công tác xã hội hóa thể dục, thể thao góp phần mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động các phong trào từ các xã, phường, thị trấn đến làng, bản, thôn, ấp, đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân.

Các địa phương đã quan tâm triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020”, Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến 2030³⁴ và Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030 từng bước được triển khai thực

³⁰ Phong trào TDTT đã thu hút từ 15-20% người cao tuổi ở nông thôn và trên 60% người cao tuổi ở thành phố, thị xã tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên.

³¹ Hiện có 45/63 tỉnh/thành phố duy trì thường xuyên hoạt động thể dục, thể thao cho người khuyết tật.

³² Chương trình phối hợp giữa Bộ Quốc phòng và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quản lý, chỉ đạo hoạt động thể dục thể thao trong Quân đội Nhân dân và Dân quân tự vệ giai đoạn 2017-2021.

³³ Bộ Quốc phòng và các tỉnh, thành: Bình Thuận, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Đồng Tháp, Đồng Nai, Gia Lai, Hà Nội, Kiên Giang, Khánh Hòa, Lai Châu, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Long An, Ninh Bình, Quảng Bình, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Nguyên, Tp. Hồ Chí Minh, ...

³⁴ Quyết định số 2164/QĐ-TTg, ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến 2030.

hiện³⁵, góp phần tổ chức các cơ sở hoạt động văn hóa, thể thao; đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, thể thao; nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò, tác dụng của dinh dưỡng và tập luyện thể dục, thể thao đối với nâng cao sức khỏe.

Công tác hướng dẫn lập, thẩm định, xét duyệt quy hoạch sử dụng đất, trong đó bố trí quỹ đất cho các công trình thể dục, thể thao được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện theo Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030.

Nhiều địa phương đã đảm bảo quy hoạch từ 2-3m² đất bình quân trên đầu người theo Chương trình phát triển thể dục, thể thao ở cơ sở xã, phường, thị trấn ... Năm 2020, cả nước có 84.15% xã, phường, thị trấn đã dành quỹ đất cho thể dục, thể thao³⁶, có khoảng 113.347 công trình thể thao, trong đó có 6.931 sân vận động; 9.367 nhà tập luyện và thi đấu; 5.210 bể bơi các loại; 74.804 sân bóng đá mini, sân bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, quần vợt; 17.035 sân thể thao khác. Một số địa phương có tỷ lệ xã có nhà văn hóa xã đạt cao là: Sóc Trăng 100%; Hải Phòng 96,5%; Thái Bình 94,4%; Vĩnh Phúc 92,9%; Tây Ninh 92,5%; Tuyên Quang 89,9%.

Tỷ lệ thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở ở các vùng miền đạt từ 60% trở lên³⁷. Nhiều địa phương đã phát huy, khai thác hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao, đa dạng hóa các hoạt động để phục vụ và đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, rèn luyện thân thể của các tầng lớp nhân dân³⁸.

Trong 10 năm qua, cơ sở vật chất phục vụ cho việc tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao tăng nhanh thông qua huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng thiết

³⁵ Bộ Y tế chủ trì Chương trình 1 “Nghiên cứu triển khai, ứng dụng những yếu tố chủ yếu tác động đến thể lực, tầm vóc người Việt Nam” và Chương trình 2 “Chăm sóc dinh dưỡng kết hợp với các chương trình chăm sóc sức khỏe, chất lượng dân số có liên quan”. Bộ VH-TT-DL chủ trì Chương trình 3 “Phát triển thể lực tầm vóc bằng giải pháp tăng cường giáo dục thể chất đối với học sinh từ 03 tuổi đến 18 tuổi” và Chương trình 4 “Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi xã hội về phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam”.

³⁶ Đến năm 2020, Vùng Đồng bằng sông Hồng đất dành cho TDTT đạt 3.487,96 ha, trong đó 04/05 địa phương đạt, 01 địa phương không đạt mục tiêu quy hoạch đất bình quân trên người dân (theo báo cáo của 05/11 địa phương); vùng Trung du và miền núi phía Bắc có 07/13 địa phương đạt mục tiêu và 04/13 địa phương không đạt mục tiêu quy hoạch đất bình quân trên người dân 4 m²/người, 02 địa phương không có số liệu quy hoạch đất bình quân trên người dân, diện tích đất dành cho TDTT đạt 1.921,5 ha (của 12 địa phương); vùng Bắc Trung Bộ và Duyên Hải miền Trung có 10/14 địa phương báo cáo trong đó có 03/07 địa phương đạt mục tiêu và 02/07 địa phương không đạt mục tiêu quy hoạch đất bình quân trên người dân, 05 địa phương không có số liệu quy hoạch đất bình quân trên người dân; đối với quỹ đất dành cho hoạt động TDTT tại các bộ, ngành: Bộ Quốc phòng, năm 2013 đạt 193,9 ha đến năm 2020 đạt 977,1 ha (trong đó: Cấp trực thuộc Bộ đạt 228,5 ha, cấp sư đoàn và tương đương đạt 361,2 ha, cấp trung đoàn, lữ đoàn và tương đương đạt 387,4 ha); Bộ Công an quy hoạch đất dành cho hoạt động TDTT là 39 ha; Các cơ sở giáo dục và đào tạo: diện tích đất trung bình tại các cơ sở giáo dục đại học đạt 2,08 m²/sinh viên; tại các cơ sở giáo dục đại học trên toàn quốc đạt 64% cơ sở có nhà tập TDTT, 13% cơ sở có bể bơi, 72% có sân tập TDTT; Các đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là 304,6 ha, trong đó các đơn vị trực thuộc Tổng cục Thể dục thể thao là 214,1 ha, khối đào tạo TDTT là 90,5 ha.

³⁷ Vùng Đồng bằng sông Hồng (cấp xã 87,7%, cấp thôn 66%); Bắc Trung Bộ (cấp xã 90,7%, cấp thôn 88,7%); Miền núi phía Bắc (cấp xã 62,5%, cấp thôn bản 72,1%); Duyên Hải Miền Trung (cấp xã 71,7%, cấp thôn 87,3%); Tây Nguyên (cấp xã 55,9%, cấp thôn 68,4%); Đông Nam Bộ (cấp xã 91,9%, cấp thôn 98,4%); Đồng bằng sông Cửu Long (cấp xã 84,9%, cấp thôn 93%).

³⁸ Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

chế văn hoá, thể thao, nhất là sự đóng góp của người dân (ngày công, hiến đất, tiền, trang thiết bị...) ³⁹. Công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động thể thao quần chúng được triển khai thực hiện ⁴⁰. Công tác quy hoạch, xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các khu công nghiệp, khu chế xuất được quan tâm ⁴¹. Việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao trong khu công nghiệp, khu chế xuất bước đầu đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, thể thao của người lao động ⁴².

3. Nâng cao hiệu quả đào tạo tài năng thể thao

Trong những năm qua, thể thao thành tích cao có nhiều chuyển biến tích cực, thành tích ở một số môn thể thao Olympic được nâng cao ⁴³. Kết quả thi đấu của các môn thể thao trọng điểm, có thể mạnh đã có những khởi sắc rõ rệt ⁴⁴. Thể thao Việt Nam liên tục xếp hạng trong 3 quốc gia dẫn đầu tại các kỳ SEA Games. Một số vận động viên ở các môn thể thao Olympic như: Bắn súng, Thể dục dụng cụ, Bơi lội, Cử tạ, Cầu lông... đạt trình độ hàng đầu châu Á và thế giới. Đặc biệt, Thể thao Việt Nam lần đầu tiên trong lịch sử giành 01 huy chương vàng, 01 huy chương bạc tại Olympic lần thứ 31 năm 2016 và giành 01 huy chương vàng, 01 huy chương bạc, 02 huy chương đồng tại Paralympic năm 2016. Bóng đá Việt Nam có sự tiến bộ vượt bậc ở đấu trường khu vực và châu lục, tạo được những hiệu ứng xã hội tích cực, góp phần quảng bá, nâng cao hình ảnh đất nước, tạo niềm tin về một Việt Nam trên đà phát triển.

³⁹ Năm 2010, cả nước có tỷ lệ xã có nhà văn hóa là 42%, 43% thôn có nhà văn hóa. Năm 2020, có trên 79% số xã có nhà văn hóa, trung tâm thể thao, trong đó, 71% đạt chuẩn và có khoảng 64% số xã có sân thể thao; có trên 72.952 thôn có nhà văn hóa, khu thể thao (chiếm 79,2%), trong đó, có 65% đạt chuẩn.

⁴⁰ Đến nay cả nước có 29.402 sân thể thao phổ thông, 1.311 phòng tập hoặc nhà tập, 600 hồ bơi hoặc bể bơi, 37.760 sân tập từng môn được đưa vào sử dụng trực tiếp phục vụ nhu cầu tập luyện và thi đấu thể thao của nhân dân; có 54.391/118.034 thôn có Nhà Văn hoá – Khu Thể thao thôn, đạt tỷ lệ khoảng 46%, 4.032/11.161 xã, phường, thị trấn có mô hình Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp xã; có khoảng 5.506 xã (62%) đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới.

⁴¹ Hiện nay 14 tỉnh/thành đã có quy hoạch; 20 tỉnh/thành chấp thuận chủ trương đầu tư dự án và giới thiệu địa điểm khu đất xây dựng. Dự án thiết chế công đoàn tại khu công nghiệp Đồng Văn II, tỉnh Hà Nam là dự án triển khai đầu tiên, khởi động cho chuỗi 50 dự án thiết chế của Công đoàn tại các địa phương. Hiện nay cả nước đã có 28 Nhà văn hóa lao động cấp tỉnh; 20 Nhà văn hóa lao động cấp huyện; trên 100 Nhà văn hóa trong các doanh nghiệp.

⁴² Có 28% doanh nghiệp tổ chức các cuộc giao lưu, liên hoan, hội diễn văn nghệ, thể thao; 31% doanh nghiệp tổ chức luyện tập, thi đấu thể thao; 21% doanh nghiệp duy trì hoạt động của các câu lạc bộ sở thích

⁴³ Tại Olympic Luân Đôn 2012, số lượng VĐV và số môn thể thao đạt chuẩn tham dự Olympic tăng gấp đôi so với các kỳ Olympic trước (có 18 VĐV của 11 môn thể thao đạt chuẩn tham dự Olympic Luân Đôn 2012); tại Olympic 2016 Rio - Brazil lần đầu tiên trong lịch sử Thể thao Việt Nam giành 01 HCV, 01 HCB của VĐV môn Bắn súng Hoàng Xuân Vinh, xếp hạng 48/206 quốc gia.

⁴⁴ Năm 2015, thể thao Việt Nam giành được tổng số 475 huy chương vàng, 355 huy chương bạc, 321 huy chương đồng (trong đó 45 HCV, 44 HCB, 39 HCD thế giới; 68 HCV, 74 HCB, 61 HCD châu Á; 362 HCV, 237 HCB, 221 HCD Đông Nam Á); năm 2016, Thể thao Việt Nam giành được tổng số 482 huy chương vàng, 385 huy chương bạc, 345 huy chương đồng (trong đó 14 HCV, 15 HCB, 23 HCD thế giới; 146 HCV, 124 HCB, 135 HCD châu Á; 319 HCV, 242 HCB, 182 HCD Đông Nam Á, 03 HCV, 04 HCB, 05 HCD giải quốc tế mở rộng); năm 2017 giành được tổng số 1.045 huy chương gồm 425 huy chương vàng, 301 huy chương bạc, 319 huy chương đồng (trong đó có 46 HCV, 39 HCB, 31 HCD thế giới; 64 HCV, 50 HCB, 44 HCD Châu Á; 315 HCV, 212 HCB, 244 HCD Đông Nam Á); năm 2018, Thể thao Việt Nam giành số 386 huy chương vàng, 296 huy chương bạc, 235 huy chương đồng (trong đó có 27 HCV, 41 HCB, 40 HCD thế giới, 80 HCV, 65 HCB, 63 HCD châu Á, 259 HCV, 179 HCB, 126 HCD Đông Nam Á và 25 HCV, 11 HCB, 6 HCD giải quốc tế khác); năm 2019, Thể thao Việt Nam giành được 587 huy chương vàng, 429 huy chương bạc, 469 huy chương đồng (trong đó có 101 HCV, 60 HCB, 48 HCD thế giới, 120 HCV, 105 HCB, 108 HCD châu Á; 354 HCV, 258 HCB, 300 HCD Đông Nam Á và 12 HCV, 06 HCB, 13 HCD giải quốc tế khác), so với năm 2015, tăng 332 tổng số huy chương quốc tế, đặc biệt số huy chương vàng các giải thế giới và châu Á tăng gấp đôi so với năm 2015.

Công tác giáo dục đạo đức, chính trị tư tưởng, đào tạo, tập huấn nghiệp vụ và giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ quản lý, huấn luyện viên, trọng tài thể thao được chú trọng. Công tác giáo dục văn hóa, đạo đức nghề nghiệp cho vận động viên được quan tâm. Công tác tuyển chọn, đào tạo vận động viên năng khiếu, vận động viên trẻ có nhiều đổi mới. Thu nhập của cầu thủ, trọng tài, huấn luyện viên bóng đá chuyên nghiệp đã được cải thiện rõ rệt, một bộ phận cầu thủ, huấn luyện viên chuyên nghiệp có thu nhập cao. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, tập huấn vận động viên thể thao và tổ chức thi đấu tiếp tục được đầu tư nâng cấp, mở rộng⁴⁵. Một số môn thể thao⁴⁶ từng bước chuyển sang thể thao chuyên nghiệp.

Hệ thống thi đấu thể thao thành tích cao ngày càng được hoàn thiện và ổn định, bao gồm: Đại hội Thể thao toàn quốc tổ chức 4 năm/lần; các giải vô địch quốc gia, vô địch trẻ quốc gia ở từng môn thể thao; các giải vô địch của các tỉnh/thành. Ngoài ra, các Liên đoàn, Hiệp hội Thể thao quốc gia, các doanh nghiệp phối hợp tổ chức nhiều giải thể thao trong nước và quốc tế khác. Hằng năm, ngành Thể dục thể thao tổ chức khoảng 200 giải thể thao cấp quốc gia, trên 800 giải thể thao cấp tỉnh và khoảng 20 giải thể thao quốc tế tại Việt Nam. Các hoạt động tổ chức thi đấu thể thao thành tích cao được quản lý chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật.

Quan tâm triển khai thực hiện Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục thể thao quốc gia đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030, Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030. Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao từng bước được bổ sung, hoàn thiện, đặc biệt sau khi tổ chức SEA Games 22 năm 2003, nhiều công trình thể thao phục vụ công tác đào tạo, huấn luyện vận động viên và tổ chức thi đấu thể thao đã được đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa.

Ở Trung ương, Khu Liên hợp thể thao quốc gia tiếp tục được đầu tư sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa; mở rộng, nâng cấp và xây dựng các Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia⁴⁷. Ở địa phương, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao được cải thiện đáng kể. Nhiều địa phương đã có đủ 3 công trình thể thao cơ bản ở cấp tỉnh và từng bước quy hoạch, đầu tư cho các công trình thể thao cấp quận, huyện. Một số thành phố lớn, hệ thống cơ sở vật chất thể dục, thể thao được đầu tư xây dựng tương đối hiện đại, đồng bộ tới cấp quận, huyện⁴⁸. Nhiều địa phương⁴⁹ đã đầu tư xây dựng hoặc cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa công trình thể thao đáp ứng tiêu chuẩn thi đấu của Đại hội thể thao và các giải thể thao quốc tế.

⁴⁵ Các Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng đã được đầu tư nâng cấp, mở rộng, thường xuyên phục vụ một số lượng khoảng trên 2.000 vận động viên đội tuyển quốc gia, vận động viên đội tuyển trẻ quốc gia.

⁴⁶ Bóng đá, Bóng chày, Cầu lông, Tennis, Golf...

⁴⁷ Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và xây dựng mới Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Cần Thơ, triển khai kế hoạch xây dựng Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia tại Đà Lạt - Lâm Đồng, Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia tại Sapa - Lào Cai.

⁴⁸ Trung tâm Huấn luyện và thi đấu Thể dục thể thao Hà Nội có Cung Điền kinh trong nhà, Khu Thể thao dưới nước, 12 nhà tập đa năng, 01 cụm sân thi đấu Bê tông, 05 sân vận động, 11 nhà thi đấu và các công trình do bộ, ngành quản lý.

⁴⁹ Bắc Giang, Bắc Ninh, Đà Nẵng, Hà Nam, Hải Dương, Hải Phòng, Nam Định, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, ...

Công tác chuẩn bị lực lượng vận động viên⁵⁰; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tham gia điều hành, tổ chức các sự kiện thể thao quốc tế được tăng cường. Hằng năm, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ trọng tài, cán bộ thể thao nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành, tổ chức các sự kiện thể thao quốc tế tại Việt Nam⁵¹. Lực lượng cán bộ, trọng tài cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức, điều hành các đại hội thể thao quốc tế có quy mô khu vực, châu lục.

Hoàn thành tốt nhiệm vụ đăng cai tổ chức các giải thể thao đỉnh cao, các kỳ Đại hội thể thao khu vực và châu lục được các tổ chức, liên đoàn thể thao quốc tế đánh giá cao⁵². Đặc biệt, việc tổ chức thành công Đại hội Thể thao Bãi biển Châu Á lần thứ 5 năm 2016 được Hội đồng Olympic châu Á và các đoàn tham dự đánh giá là một kỳ Đại hội thể thao thành công, để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp đối với bạn bè quốc tế. Hiện nay, các bộ, ngành, địa phương đang tích cực phối hợp chuẩn bị cơ sở vật chất và các điều kiện khác để tổ chức SEA Games 31 và ASEAN Para Games 11.

Công tác phòng, chống các hành vi tiêu cực trong lĩnh vực thể dục, thể thao được triển khai thường xuyên, liên tục với nhiều biện pháp quyết liệt. Công tác phòng, chống và kiểm tra Doping được triển khai kịp thời tới các Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia và các cơ sở đào tạo của các địa phương⁵³. Chủ động phối hợp với cơ quan công an trong việc triển khai các biện pháp phòng, chống tiêu cực trong thể thao, đặc biệt là bóng đá.

4. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ

Trong những năm qua, công tác định hướng và triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ thể dục, thể thao đã có sự biến chuyển, chất lượng nghiên cứu khoa học từng bước được nâng cao. Hệ thống tổ chức các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ thể dục, thể thao tương đối đồng bộ từ Trung ương tới cơ sở. Ở Trung ương, có 10 đơn vị có chức năng nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thể dục, thể thao⁵⁴. Tại một số địa phương có phong trào thể dục, thể thao phát triển mạnh, như Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn vị cấp phòng thuộc sở văn hóa, thể thao và du lịch có chức năng tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

⁵⁰ Hằng năm tổ chức tập huấn cho trên 2.000 vận động viên các đội tuyển thể thao quốc gia để sẵn sàng tham dự các sự kiện thể thao quốc tế.

⁵¹ Cả nước có gần 2.000 trọng tài quốc gia và trên 300 trọng tài cấp quốc tế.

⁵² Theo Báo cáo của Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

⁵³ Tại ABG5 đã lấy 324 mẫu kiểm tra Doping cho vận động viên và chuyên xét nghiệm tại Thái Lan; 17 mẫu ngoài theo yêu cầu tổ chức phòng chống Doping Đông Nam Á (SEARADO), 11 mẫu của Đoàn Thể thao Việt Nam trước khi tham dự Olympic.

⁵⁴ Viện Khoa học TDTT, 03 Trường Đại học, 04 Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia, Trung tâm Doping và Y học TDTT, Bệnh viện Thể thao Việt Nam.

Đội ngũ đông đảo các nhà khoa học tâm huyết đóng góp cho sự phát triển ngành thể dục, thể thao⁵⁵. Nhiều đề tài nghiên cứu khoa học được thực hiện và ứng dụng vào thực tiễn⁵⁶. Đặc biệt, có nhiều nghiên cứu khoa học, đề án, quy hoạch phục vụ cho công tác quản lý và phát triển thể dục, thể thao⁵⁷.

Trong những năm gần đây, công tác đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị khoa học hiện đại cho các tổ chức khoa học và công nghệ được quan tâm, chú trọng⁵⁸. Hoạt động thông tin khoa học, công nghệ thể dục, thể thao có bước phát triển và đạt được những kết quả nhất định. Việc cập nhật những thành tựu khoa học và công nghệ mới, các kết quả của các công trình khoa học đã góp phần truyền tải thông tin khoa học, hỗ trợ đắc lực cho nghiên cứu, ứng dụng trong các hoạt động của ngành Thể dục, thể thao.

5. Đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát triển các tổ chức xã hội về thể dục, thể thao; tăng cường hợp tác quốc tế

Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thể dục, thể thao được kiện toàn, từng bước nâng cao năng lực, hoạt động hiệu quả. Việc phân cấp quản lý trong lĩnh vực thể dục, thể thao được tăng cường. Ở Trung ương, mô hình quản lý đa ngành, đa lĩnh vực đã phát huy hiệu quả. Các hoạt động văn hóa - thể thao - du lịch được lồng ghép, phát huy hiệu quả trong sử dụng nguồn lực. Bộ máy tổ chức quản lý nhà nước về lĩnh vực thể dục, thể thao từng bước được sắp xếp, tinh gọn, bảo đảm chức năng, nhiệm vụ không chồng chéo, hoạt động hiệu quả⁵⁹. Ở địa phương, đã sắp xếp lại các cơ quan chuyên môn theo hướng sở đa ngành⁶⁰.

Phương thức lãnh đạo, quản lý nhà nước về thể dục, thể thao có nhiều đổi mới. Tăng cường công tác thể chế hóa, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thể dục, thể thao. Đẩy mạnh phân cấp quản lý thể dục, thể thao từ Trung ương tới địa phương nhằm tạo điều kiện, phát huy nguồn lực xã hội và chuyển giao hoạt động tác nghiệp cho các liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia.

⁵⁵ Hiện nay, các nhà khoa học thể dục, thể thao có trình độ tiến sỹ trở lên có khoảng trên 200 người, trong đó có 07 giáo sư và 85 phó giáo sư.

⁵⁶ Triển khai thực hiện 30 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, 720 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở về các lĩnh vực: thể dục, thể thao cho mọi người, giáo dục thể chất, huấn luyện thể thao, tuyển chọn thể thao, y sinh học thể thao, công nghệ gen, dinh dưỡng thể thao, thể thao giải trí, du lịch thể thao...

⁵⁷ 04 Đề án, 02 Quy hoạch, 02 Đề tài cấp Nhà Nước, 30 Đề tài cấp Bộ, cấp Thành phố và trên 270 đề tài cấp cơ sở và nhiệm vụ khoa học đặt hàng.

⁵⁸ Viện Khoa học Thể dục thể thao, Trung tâm Doping và Y học thể thao, các Viện nghiên cứu thuộc các trường Đại học được nâng cấp, xây dựng mới và đầu tư một số trang thiết bị tương đối hiện đại.

⁵⁹ Tổng cục Thể dục thể thao đã cơ cấu lại tổ chức, kết quả đã thực hiện giảm 15/87 phòng của các đơn vị trực thuộc; giảm 01 đơn vị sự nghiệp (Báo Thể thao Việt Nam sáp nhập vào Tạp chí Thể thao).

⁶⁰ Trên toàn quốc hiện có 49 Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 13 Sở Văn hóa và Thể thao, 01 Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình; 91 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp tỉnh. Ở cấp quận, huyện có Phòng Văn hoá và Thông tin và 635 Trung tâm Văn hóa/Trung tâm Văn hóa - Thể thao, 72 Trung tâm Thể dục thể thao là các đơn vị sự nghiệp; cấp xã có công chức phụ trách công tác văn hoá, xã hội, trong đó có lĩnh vực thể dục, thể thao.

Công tác đổi mới cơ chế, chính sách về xã hội hóa và tự chủ trong lĩnh vực thể dục, thể thao được tăng cường đã tạo ra hành lang pháp lý, tạo điều kiện phát triển các loại hình hoạt động và doanh nghiệp thể thao⁶¹. Đồng thời, thúc đẩy phát triển kinh tế thể thao và khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, kinh doanh, cung cấp các dịch vụ thể thao⁶². Nhiều địa phương, ngành đã khuyến khích các cơ sở tư nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực thể dục, thể thao⁶³. Chính sách xã hội hóa đã góp phần mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động các phong trào thể dục, thể thao ở cơ sở, thu hút thêm nguồn lực xã hội cho phát triển thể thao thành tích cao.

Quan tâm xây dựng và thực hiện chế độ, chính sách đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao⁶⁴. Các vận động viên đạt thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng thưởng các danh hiệu cao quý và chế độ ưu tiên trong xét tuyển vào các trường Đại học, Cao đẳng Thể dục thể thao. Nhiều địa phương, ngành đã ban hành và thực hiện nghị quyết, quyết định, quy định chế độ, chính sách đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao⁶⁵ đã góp phần đảm bảo đời sống, tạo động lực thúc đẩy đội ngũ huấn luyện viên, vận động viên yên tâm với nghề nghiệp, nỗ lực tập luyện và thu hút nhân tài tham gia thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức luôn được quan tâm. Hằng năm, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị; chuyên môn, nghiệp vụ. Công tác đào tạo sau đại học được chú trọng nhằm xây dựng đội ngũ trí thức có trình độ chuyên môn sâu. Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác thể dục, thể thao ở cơ sở được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ trong “Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới”⁶⁶.

⁶¹ Thị trường chuyển nhượng vận động viên, huấn luyện viên và quảng cáo trong lĩnh vực thể thao đã bước đầu hình thành và hoạt động sôi động.

⁶² Tính đến nay, cả nước có trên 16.567 cơ sở kinh doanh thể thao, tăng 8.794 cơ sở kinh doanh so với năm 2011, tính riêng năm 2020 có 1.087 cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao được thành lập.

⁶³ TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh có hàng ngàn cơ sở kinh doanh dịch vụ thể dục, thể thao với nhiều phòng tập, bể bơi, khu vui chơi giải trí thể thao quy mô lớn, nhiều tập đoàn đầu tư hàng ngàn tỷ đồng cho xây dựng cơ sở vật chất, sân bãi, các trang thiết bị chuyên dụng như: câu lạc bộ quần vợt Lan Anh, Câu lạc bộ quần vợt Hưng Thịnh, Nhà thi đấu Futsal Thái Sơn Nam, Trung tâm bóng đá Thành Long, Trung tâm thể dục thể hình và Yoga California, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ Citigym, Tập đoàn Keppel;...

⁶⁴ Chế độ, chính sách về tiền lương; hỗ trợ tập huấn, thi đấu; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; bảo hiểm khi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài và tiền thưởng theo thành tích thi đấu; chăm sóc sức khỏe và chữa trị chấn thương, chế độ dinh dưỡng đặc thù; bảo đảm học tập văn hóa, chính trị; ưu đãi về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; ưu đãi về học nghề và giải quyết việc làm, ...

⁶⁵ Bộ Quốc phòng và các tỉnh, thành phố: Bắc Giang, Bắc Ninh, Bình Định, Cà Mau, Đà Nẵng, Đồng Nai, Đồng Tháp, Hà Giang, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hưng Yên, Khánh Hòa, Kiên Giang, Kon Tum, Lai Châu, Lạng Sơn, Long An, Nghệ An, Ninh Bình, Ninh Thuận, Phú Thọ, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Quảng Trị, Sơn La, Tây Ninh, Thái Bình, TT-Huế, Tiền Giang, Trà Vinh, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Yên Bái.

⁶⁶ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ trì, phối hợp với Trung ương Hội Nông dân, Ủy ban Dân tộc mở 61 lớp với gần 12.000 học viên.

Bước đầu phát huy vai trò của Ủy ban Olympic Việt Nam, các liên đoàn, hiệp hội thể thao trong điều hành các hoạt động thể dục, thể thao⁶⁷. Các hội thể thao quốc gia đã chủ động, tích cực và phối hợp tổ chức tuyển chọn, đào tạo, cử lực lượng vận động viên tham dự các giải thể thao quốc tế. Quan tâm triển khai công tác đào tạo cán bộ quản lý, chuyên môn, huấn luyện viên, trọng tài, hướng dẫn viên thể thao. Phối hợp với liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ có chất lượng cao. Việc quản lý, phong cấp, công nhận thành tích đối với vận động viên đạt đẳng cấp và thành tích trong thi đấu được các hội thể thao quốc gia chú trọng.

Việc thành lập các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia được triển khai tích cực để từng bước chuyển giao các hoạt động tác nghiệp và hợp tác với các tổ chức thể thao quốc tế⁶⁸. Ở địa phương, hệ thống các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp về thể dục, thể thao được kiện toàn, nâng cao năng lực hoạt động. Đa số địa phương có từ 10-15 liên đoàn, hiệp hội thể thao hoạt động tương đối hiệu quả⁶⁹. Hệ thống các tổ chức xã hội về thể dục, thể thao được kiện toàn, đổi mới phương thức hoạt động và tích cực thu hút các nguồn lực. Cùng với Liên đoàn Bóng đá Việt Nam, các Liên đoàn thể thao quốc gia khác đã từng bước tự chủ về kinh phí, trụ sở, biên chế và bộ máy. Hệ thống các câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp được hình thành và hoạt động cơ bản theo mô hình doanh nghiệp.

Hợp tác quốc tế về thể dục, thể thao ngày càng được mở rộng. Thể thao Việt Nam đã thiết lập quan hệ hợp tác với hơn 60 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới; là thành viên của hầu hết các tổ chức thể thao quốc tế, châu lục và khu vực⁷⁰. Hiện tại, Việt Nam có 39 nhân sự tham gia là thành viên, lãnh đạo điều hành các tổ chức thể thao quốc tế. Tích cực tham gia đầy đủ các Đại hội thể thao⁷¹ và các giải thể thao khu vực và thế giới. Hằng năm, có hàng chục lượt trọng tài, bác sỹ, cán bộ khoa học thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu và sự kiện thể thao quốc tế. Qua đó, tạo ra điều kiện thuận lợi để khẳng định vị thế của thể thao Việt Nam.

⁶⁷ Hiện nay, có tổng số 37 hội cấp quốc gia, gồm: 2 tổ chức xã hội (Ủy ban Olympic Việt Nam và Hiệp hội Paralympic Việt Nam); 35 tổ chức xã hội - nghề nghiệp là các Liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia đơn môn hoặc nhóm môn và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác. Ngoài ra còn có một số tổ chức xã hội - nghề nghiệp về thể dục, thể thao thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng và 1 tổ chức hội thuộc loại hình quỹ (Quỹ đầu tư phát triển Bóng đá Việt Nam).

⁶⁸ Liên đoàn Đua thuyền VN (2011), Liên đoàn Bóng ném VN (2013), Hiệp hội Câu cá thể thao VN (2013), Hiệp hội thể thao Bridge & Poker VN (2014), Liên đoàn Quyền anh VN (2015), Liên đoàn Cử tạ - Thể hình VN (2015), Liên đoàn Yoga VN (2016), Hội Khoa học TDTT VN (2016), Liên đoàn Trượt băng VN (2018), Liên đoàn Cờ tướng VN (2018), Liên đoàn Vật VN (2019), Liên đoàn Võ thuật tổng hợp VN (2020), Liên đoàn Jujitsu VN (2020), Liên đoàn Bóng chày và Bóng mềm VN (2021).

⁶⁹ Năm 2011 có 271, năm 2016 có 345 và 2020 có 412 liên đoàn, hiệp hội thể thao là thành viên của các liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia, điển hình là các tỉnh, thành phố có phong trào thể dục, thể thao phát triển như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ có trên 20 Liên đoàn, Hiệp hội thể thao.

⁷⁰ Ủy ban Olympic quốc tế (IOC), Ủy ban Paralympic quốc tế (IPC), Hội đồng Thể thao châu Á (OCA) và Liên đoàn Thể thao Người Khuyết tật châu Á, Liên đoàn Thể thao Đông Nam Á (SEAGF) và Liên đoàn Thể thao Người Khuyết tật Đông Nam Á (APSF). 32 Liên đoàn/Hiệp hội thể thao quốc gia Việt Nam là thành viên của các Liên đoàn thể thao khu vực và thế giới.

⁷¹ Đại hội thể thao khu vực Đông Nam Á (SEA Games), Đại hội thể thao châu Á, Đại hội thể thao châu Á trẻ, Thế vận hội Olympic, Paralympic, Olympic trẻ...

6. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền

Trong thời gian qua, việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW đã làm chuyển biến về nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với công tác thể dục, thể thao. Hầu hết cấp ủy đảng, chính quyền đã tổ chức quán triệt Nghị quyết số 08-NQ/TW. Bước đầu quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo công tác quy hoạch, tuyên truyền, xây dựng tổ chức và bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý công tác thể dục, thể thao. Coi sự phát triển thể dục, thể thao là một phương thức hữu hiệu để nâng cao sức khỏe, thể lực và chất lượng cuộc sống của nhân dân, chất lượng nguồn nhân lực, giáo dục ý chí, đạo đức, xây dựng lối sống, môi trường văn hóa lành mạnh, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Quần chúng nhân dân đã nhận thức được tầm quan trọng của thể dục, thể thao đối với việc nâng cao sức khỏe và phòng, chống bệnh tật.

Công tác quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động thể dục, thể thao của các cơ quan quản lý nhà nước, chuyên môn, các tổ chức xã hội và đơn vị sự nghiệp thể dục, thể thao đã có sự đổi mới, năng động và sáng tạo hơn theo hướng xã hội hoá, dựa vào Nhân dân và huy động các nguồn lực xã hội để phát triển thể dục, thể thao. Nhiều đơn vị sự nghiệp công lập đã có sáng tạo trong việc chuyển đổi mô hình, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ thể dục, thể thao. Xã hội hoá và chuyên nghiệp hoá thể thao được xác định là những giải pháp trọng tâm để phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao và bước đầu được triển khai hiệu quả.

III. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những tồn tại, hạn chế

Một là, một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa thực sự quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, chưa có sự phối hợp chặt chẽ và bố trí đầu tư nguồn lực cho công tác thể dục, thể thao. Một số tỉnh ủy, thành ủy không xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện⁷² nên việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW thiếu cụ thể và tính hiệu lực kém. Công tác kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết chưa được quan tâm thường xuyên.

Hai là, quản lý nhà nước về thể dục, thể thao còn chậm đổi mới trước cơ chế thị trường, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Thiếu hành lang pháp lý, cơ chế quản lý để phát triển thể thao chuyên nghiệp. Nhiều địa phương bố trí lãnh đạo phụ trách lĩnh vực thể dục thể thao chưa có chuyên môn về thể dục, thể thao. Các tổ chức xã hội và xã hội- nghề nghiệp về thể dục, thể thao chưa đủ mạnh để điều hành các hoạt động chuyên môn. Đội ngũ cán bộ thể dục, thể thao, nhất là cán bộ quản lý, nghiên cứu khoa học, huấn luyện viên, giáo viên còn thiếu và hạn chế.

⁷² Bắc Giang, Bạc Liêu, Cao Bằng, Gia Lai, Hà Nam, Hải Phòng, Thừa Thiên Huế.

Cán bộ làm công tác thể dục, thể thao ở cơ sở hầu như kiêm nhiệm, thường xuyên luân chuyển, chưa được đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Chế độ, chính sách đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao còn nhiều bất cập.

Ba là, thể dục, thể thao quần chúng còn hạn chế. Có khoảng cách lớn về điều kiện tập luyện và mức độ hưởng thụ các giá trị của thể dục, thể thao giữa các vùng, miền và các đối tượng nhân dân. Công tác giáo dục thể chất và thể thao trong trường học chưa đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện. Chương trình, nội dung và phương pháp giáo dục thể chất còn chậm đổi mới, thời lượng dành cho chương trình giáo dục thể chất chính khóa còn ít, chưa thực sự tạo hứng thú cho học sinh, sinh viên. Thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp phát triển chưa vững chắc, đặc biệt là các môn thể thao trong chương trình Olympic.

Bốn là, việc ứng dụng khoa học công nghệ và y học thể dục, thể thao còn nhiều hạn chế. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, ý chí, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài ở cơ sở chưa được quan tâm. Vi phạm pháp luật và đạo đức nghề nghiệp vẫn còn xảy ra, nhất là trong bóng đá. Hệ thống thiết chế thể thao, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ giáo dục thể chất và thể thao trường học⁷³, thể thao thành tích cao vừa thiếu, lạc hậu và xuống cấp, đặc biệt ở khu vực nông thôn, miền núi, biên giới và hải đảo.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa, hội nhập quốc tế, cùng với đó là vấn đề già hóa dân số với tốc độ nhanh, di cư từ nông thôn ra đô thị tăng, dân số ở vùng nông thôn giảm, chủ yếu là người cao tuổi, mô hình gia đình ngày càng nhỏ, tình trạng thất nghiệp, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, tệ nạn xã hội làm giảm tỷ lệ người dân tham gia một số môn thể thao. Các môn thể thao mới ra đời và các môn thể thao truyền thống có nguy cơ biến mất.

- Kinh tế đất nước đã có sự tăng trưởng mạnh và đạt nhiều thành tựu, song chất lượng tăng trưởng thấp, thu nhập của người dân chưa cao đã ảnh hưởng đến đầu tư của nhà nước và tham gia thể dục, thể thao của người dân.

- Các dịch vụ thể dục, thể thao chưa phong phú, đa dạng. Việc tiếp cận với các dịch vụ thể dục, thể thao của người dân còn hạn chế, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Các doanh nghiệp, cơ sở hoạt động kinh doanh, dịch vụ thể dục, thể thao chủ yếu hoạt động ở khu vực thành thị. Chi phí cho các dịch vụ thể thao còn cao, người lao động có thu nhập trung bình và thu nhập thấp khó tiếp cận.

⁷³ Đến nay chỉ có 64% số cơ sở đào tạo có nhà tập thể dục thể thao; 13% số cơ sở đào tạo có bể bơi; 72% số cơ sở đào tạo có sân tập thể dục thể thao.

- Sự tham gia của các phương tiện truyền thông trong lĩnh vực thể dục, thể thao chưa tập trung tuyên truyền chủ trương, chính sách, dịch vụ, loại hình thể dục, thể thao. Chủ yếu tập trung ở một số ít môn thể thao thành tích cao và vì lợi nhuận. Sự gia tăng của trò chơi máy tính làm cho thể hệ trẻ ít vận động tác động bất lợi đối với sức khỏe và thể chất, tham gia thể thao và giải trí. Điều này đã ảnh hưởng đến sự phát triển thiếu cân đối giữa các môn thể thao và có thể làm sai lệch mục đích của tập luyện thể dục, thể thao.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Một số cấp ủy đảng và chính quyền chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò của thể dục, thể thao là một chính sách kinh tế - xã hội quan trọng, là phương thức nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chưa quyết liệt trong chỉ đạo triển khai chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển thể dục, thể thao.

- Giáo dục thể chất chưa được coi trọng đúng mức, chưa được xem là một mặt của giáo dục toàn diện. Phương thức quản lý nhà nước về thể dục, thể thao chậm đổi mới, còn mang nặng tính hành chính, bao cấp. Thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích, thúc đẩy xã hội hóa thể dục, thể thao.

- Đầu tư cho công tác đào tạo vận động viên chưa đáp ứng yêu cầu, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao còn nhiều bất cập. Thiếu thể chế tài chính, đầu tư, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, công tác thể dục, thể thao đạt được kết quả quan trọng:

- Trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền đối với công tác thể dục, thể thao đã được nâng lên. Quản lý nhà nước về thể dục, thể thao có nhiều chuyển biến. Tính chuyên nghiệp trong quản lý và vận hành các hoạt động thể thao từng bước được nâng cao.

- Công tác xã hội hóa thể dục, thể thao được đẩy mạnh, thúc đẩy mạnh mẽ các công ty, doanh nghiệp có thương hiệu lớn trên thế giới tham gia đầu tư, sản xuất kinh doanh, cung cấp hàng hóa và dịch vụ thể thao. Thị trường thể thao trong nước đang phát triển mạnh mẽ.

- Công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học bắt đầu có sự đổi mới. Thể dục, thể thao quần chúng phát triển khá sâu rộng, các chỉ tiêu cơ bản đều hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra. Thành tích thi đấu tại các kỳ đại hội thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới tiếp tục được nâng lên. Hợp tác quốc tế về thể dục, thể thao được mở rộng.

Tuy nhiên, công tác thể dục, thể thao còn những hạn chế:

- Một số cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác thể dục, thể thao. Việc phân bổ các nguồn lực đầu tư cho thể dục, thể thao còn thấp. Chuyển giao quản lý và điều hành các hoạt động thể thao còn chậm, thiếu cơ chế quản lý phát triển thể thao chuyên nghiệp, thể thao nhà nghề. Chưa có thể chế, chính sách phát triển kinh tế thể thao.

- Chưa phát huy vai trò của các tổ chức xã hội và xã hội - nghề nghiệp trong quản lý, điều hành các hoạt động thể thao. Chế độ, chính sách đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao còn nhiều bất cập. Điều kiện tập luyện, chất lượng dịch vụ thể dục, thể thao còn thấp.

- Công tác giáo dục thể chất và thể thao trong trường học chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện. Thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp phát triển chưa vững chắc, đặc biệt là các môn thể thao Olympic. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, y học và huấn luyện thể thao có xu hướng tụt hậu. Hệ thống thiết chế thể thao ở cơ sở, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ giáo dục thể chất, thể thao thành tích cao vừa thiếu, vừa lạc hậu và xuống cấp, sử dụng kém hiệu quả, đặc biệt ở khu vực nông thôn, miền núi, biên giới và hải đảo.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỂ DỤC, THỂ THAO TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Bối cảnh công tác thể dục, thể thao

Những năm gần đây, các quốc gia coi phát triển thể dục, thể thao cho mọi người là một trong những chính sách xã hội; một bộ phận cấu thành của “cơ sở hạ tầng mềm” góp phần duy trì sức khỏe, phòng chống bệnh tật, giảm thiểu chi phí y tế, đảm bảo chất lượng dân số và nguồn nhân lực, xây dựng xã hội lành mạnh, tích cực. Đa số quốc gia đã chuyển mạnh nhiều môn, loại hình thể thao theo hướng chuyên nghiệp, nhà nghề, trở thành một ngành dịch vụ thu hút đầu tư và mang lại tỷ suất sinh lợi khá lớn. Khu vực châu Á – Thái bình Dương đang được đánh giá là khu vực dẫn đầu về tăng trưởng kinh tế thể thao, đạt mức tăng trưởng trung bình hằng năm lên tới 9,4%, cao hơn nhiều so với khu vực Bắc Mỹ và châu Âu. Hiện nay, nhiều quốc gia chú trọng phát triển kinh tế thể thao và trở thành ngành công nghiệp thể thao.

Trong thời gian tới, ngoài sự tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa, già hóa dân số, quy mô gia đình ngày càng nhỏ, phòng bệnh không lây nhiễm, dịch bệnh mới nổi, ô nhiễm môi trường, công tác thể dục, thể thao còn chịu tác động mạnh của cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế và chuyên nghiệp hóa trong thể thao sẽ thúc đẩy khu vực tư nhân tham gia phát triển thể thao thông qua tài trợ, phát sóng và tổ chức các giải đấu chuyên nghiệp.

Trong những năm gần đây, xu hướng hội nhập của lĩnh vực thể dục, thể thao với du lịch, giải trí và các ngành, lĩnh vực liên quan khác ngày càng gia tăng. Đổi mới công nghệ đã thúc đẩy sự hội nhập của ngành thể dục, thể thao và các ngành khác. Việc tổ chức lại ngành thể dục, thể thao hoặc sự giao thoa, thâm nhập với các ngành khác dẫn đến thu hẹp ranh giới của ngành thể dục, thể thao và hình thành mô hình tích hợp công nghệ và sản phẩm. Bên cạnh đó, sẽ tối ưu hóa sáng tạo, hình thành cơ cấu cạnh tranh, cơ cấu tổ chức, phát triển năng lực cạnh tranh, tiêu thụ và doanh nghiệp thể thao.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đề cập đến phương thức các công nghệ tác động đến sự chuyển đổi xã hội, trong đó có lĩnh vực thể dục, thể thao. Đặc biệt, trí tuệ nhân tạo đang tham gia vào quá trình chỉ đạo huấn luyện thể thao và tạo ra siêu thương mại hóa thể thao. Các tập đoàn thể thao và các doanh nghiệp tài trợ được nhượng quyền và nắm quyền kiểm soát. Các công dân không phải là người sản xuất ra các giá trị, chỉ là người tiêu dùng sản phẩm. Cuộc cách mạng lần thứ tư đòi hỏi phải xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo để cung cấp các ý tưởng, mô hình kinh doanh, sản phẩm và dịch vụ thể thao mới. Tạo ra thách thức lớn đối với việc quản lý và kiểm soát các tổ chức thể thao theo các giá trị thể thao truyền thống, cũng như đạt được sự gia tăng tham gia thể dục, thể thao của người dân.

2. Đề xuất quan điểm chỉ đạo và mục tiêu

2.1. Quan điểm chỉ đạo

- Thể dục, thể thao là chính sách kinh tế - xã hội quan trọng và là phương thức phát triển con người toàn diện, góp phần nâng cao sức khỏe, tâm vóc con người Việt Nam, đảm bảo an sinh xã hội, chất lượng cuộc sống, hạnh phúc của cá nhân và toàn xã hội; xây dựng môi trường văn hóa, nếp sống văn minh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế, khẳng định vị thế, hình ảnh Việt Nam.

- Phát triển thể dục, thể thao trong cộng đồng, đổi mới toàn diện giáo dục thể chất và thể thao trường học là yếu tố nền tảng; phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp, thể thao nhà nghề và đổi mới phương thức quản lý nhà nước, tăng cường xã hội hóa, đẩy mạnh kinh tế thể thao là nhiệm vụ cấp bách; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là giải pháp đột phá để phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao.

- Phát triển thể dục, thể thao theo tư tưởng “Dân cường thì quốc thịnh” là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và mỗi người dân; đòi hỏi sự tham gia tích cực của các cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các ngành, trong đó các ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ngành Giáo dục và Đào tạo, ngành Y tế là nòng cốt.

2.2. Mục tiêu

Tạo phong trào rèn luyện sức khỏe rộng khắp trong toàn dân, góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Phấn đấu đến năm 2030, có trên 50% dân số tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên, 95% số trường học đạt được các điều kiện tiêu chuẩn về giáo dục thể chất. Nâng cao thành tích thể thao ở đấu trường châu lục và thế giới ở những môn thể thao có thế mạnh. Hoàn thành quy hoạch, xây dựng các thiết chế thể dục, thể thao đạt chuẩn và hệ thống thi đấu, đào tạo, chương trình hỗ trợ vận động viên. Phát triển thể thao chuyên nghiệp và một số môn thể thao nhà nghề. Kinh tế thể thao trở thành ngành kinh tế quan trọng, đến năm 2030 đóng góp từ 1-2% GDP.

3. Đề xuất nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để phát triển thể dục, thể thao trong tình hình mới

3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tham gia của hệ thống chính trị, sự phối hợp hiệu quả của các cấp, các ngành và đoàn thể nhân dân trong công tác thể dục, thể thao

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực thể dục, thể thao. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về tư duy, nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với công tác thể dục, thể thao.

- Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo và đẩy mạnh sự phối hợp giữa các cấp, các ban, bộ, ngành, đoàn thể trong triển khai chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án phát triển thể dục, thể thao; quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất thể dục, thể thao. Đưa các mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản về thể dục, thể thao vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch của địa phương, đơn vị. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế thể thao cơ sở.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tập luyện thể dục, thể thao; lồng ghép công tác thể dục, thể thao vào phong trào và cuộc vận động; phát huy vai trò, trách nhiệm giám sát, phản biện và phản ánh với cấp ủy, chính quyền địa phương về công tác thể dục, thể thao.

3.2. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển thể dục, thể thao

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động, tạo chuyển biến sâu sắc về tư duy, nhận thức, trách nhiệm trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân về vai trò của thể dục, thể thao đối với bảo vệ, nâng cao sức khỏe, tâm vóc, góp phần nâng cao năng suất lao động, đảm bảo an sinh xã hội, xây dựng văn hóa, con người Việt Nam.

- Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thể dục, thể thao; kiến thức, kỹ năng hoạt động thể chất; thể dục phòng, chữa bệnh bằng hình thức phù hợp với từng đối tượng, phát huy hiệu quả của truyền thông đại chúng, mạng xã hội; lồng ghép trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, hoạt động cộng đồng, câu lạc bộ, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, du lịch.

3.3. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước; đổi mới phương thức quản lý, điều hành trong lĩnh vực thể dục, thể thao

- rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về thể dục, thể thao đáp ứng yêu cầu phát triển thể thao chuyên nghiệp, thể thao nhà nghề, kinh tế thể thao và phù hợp với các cam kết quốc tế; bổ sung chính sách đối với các đối tượng hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao. Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, thúc đẩy các doanh nghiệp, tổ chức xã hội đầu tư xây dựng và vận hành các cơ sở thể thao, tham gia tổ chức thi đấu, đào tạo vận động viên và cung cấp dịch vụ thể dục, thể thao.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy và đổi mới quản lý nhà nước về thể dục, thể thao theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng cơ chế hợp tác giữa cơ quan quản lý nhà nước với các liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia trong quản lý, điều hành lĩnh vực thể thao. Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp sang cung ứng dịch vụ công. Tổ chức cung ứng dịch vụ thể dục, thể thao theo các chuẩn mực quốc tế. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Phát triển nguồn nhân lực quản lý và tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao.

3.4. Đẩy mạnh phát triển thể dục, thể thao cho mọi người; đổi mới giáo dục thể chất và thể thao trường học; phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp và một số môn thể thao nhà nghề

- Tiếp tục thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” trong cộng đồng dân cư, các cơ quan, đơn vị, khu công nghiệp. Xây dựng hệ thống chỉ số rèn luyện và đánh giá thể lực con người Việt Nam, ứng dụng công nghệ số trong đánh giá chất lượng thể dục, thể thao quần chúng và hướng dẫn người dân tập luyện thể dục, thể thao. Tăng cường thể dục, thể thao thích ứng với người khuyết tật. Tiếp tục bảo tồn và quảng bá các loại hình thể thao dân tộc, trò chơi dân gian. Phát triển mạnh các dịch vụ thể thao đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dân. Xây dựng mạng lưới hướng dẫn viên, tình nguyện viên thể dục, thể thao ở cơ sở.

- Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục thể chất và thể thao trường học, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên. Tăng cường đầu tư, quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, nguồn nhân lực phục vụ giáo dục thể chất và thể thao trường học.

- Đẩy mạnh công tác huấn luyện thể lực, thi đấu thể thao trong lực lượng vũ trang, góp phần xây dựng lực lượng vũ trang tinh nhuệ, hiện đại. Phát huy vai trò của lực lượng vũ trang trong việc phát triển thể dục, thể thao, nhất là ở vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Hoàn thiện hệ thống đào tạo vận động viên và thi đấu thể thao; phát triển thể thao chuyên nghiệp và một số môn thể thao nhà nghề. Xây dựng chiến lược đào tạo, chương trình hỗ trợ vận động viên. Tạo cơ chế liên kết giữa cơ sở đào tạo vận động viên với viện nghiên cứu và các liên đoàn, câu lạc bộ, doanh nghiệp thể thao. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, y học thể thao trong đào tạo vận động viên.

3.5. Phát triển kinh tế thể thao, huy động nguồn lực tài chính, đẩy mạnh xã hội hóa, nâng cao hiệu quả đầu tư cho sự nghiệp thể dục, thể thao

- Tạo môi trường pháp lý thuận lợi thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thể thao, đưa thể thao trở thành một ngành kinh tế. Xây dựng thiết chế hiệp hội và hệ thống chỉ số đánh giá sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thể thao. Đổi mới, hoàn thiện thể chế, cơ chế quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thể thao. Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu, thị trường và dịch vụ thể thao. Thí điểm tổ chức, tiến tới triển khai mô hình đặt cược, xổ số thể thao để tạo nguồn thu tái đầu tư phát triển thể dục, thể thao.

- Tăng cường các nguồn lực đầu tư, đổi mới phương thức phân bổ ngân sách sự nghiệp thể dục, thể thao. Đẩy mạnh xã hội hóa, thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ thể dục, thể thao. Đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa các Trung tâm huấn luyện, Khu liên hợp thể thao quốc gia, các cơ sở đào tạo vận động viên, nghiên cứu khoa học và y học thể thao, cơ sở vật chất thể dục, thể thao gắn với phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa địa phương.

3.6. Tổ chức thực hiện

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức phổ biến, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện.

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định pháp luật về thể dục, thể thao. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật, chính sách, xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, đề án thể dục, thể thao.

- Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045; cụ thể hóa mục tiêu và chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị.

Phần thứ ba
KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và thực hiện có hiệu quả công tác thể dục, thể thao trong tình hình mới, Ban Tuyên giáo Trung ương kính trình Bộ Chính trị:

1. Cho ý kiến về các nội dung trong Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW và dự thảo Nghị quyết mới của Bộ Chính trị;
2. Ban hành Nghị quyết mới về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển thể dục, thể thao trong tình hình mới (dự thảo Nghị quyết mới kèm theo).

Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo Bộ Chính trị./.

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC
Đã ký: Lại Xuân Môn

TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI
VĂN PHÒNG

*

Số 388-BS/VPTU

SAO LỤC

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 01 năm 2022

Nơi nhận:

- Các đồng chí Ủy viên BTVTU,
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh,
- Công Thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh,
- C,PCVP Tỉnh ủy; P.TH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG


Nguyễn Thị Ngọc Bích

PHỤ LỤC I

Hệ thống các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020”

| STT | Số, loại văn bản | Tên văn bản | Thời gian ban hành |
|--|--------------------------------------|--|--------------------|
| A BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG | | | |
| 1. | Hướng dẫn số 40-HD/BTGTW-BCSĐBVHTTDL | Về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020” | 05/3/2012 |
| 2. | Kế hoạch số 445-KH/BTGTW | Về việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020” | 05/11/2020 |
| 3. | Công văn số 9647-CV/BTGTW | Về việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020” | 05/11/2020 |
| B QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI | | | |
| 1. | Luật số 26/2018/QH14 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao | 14/6/2018 |
| C CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ | | | |
| I Nghị quyết | | | |
| 1. | Nghị quyết số 16/NQ-CP | Ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị | 14/01/2013 |
| II Nghị định | | | |
| 1. | Nghị định số 37/2012/NĐ-CP | Quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực Thể dục, thể thao | 24/4/2012 |

| STT | Số, loại văn bản | Tên văn bản | Thời gian ban hành |
|------------|------------------------------|---|--------------------|
| 2. | Nghị định số 158/2013/NĐ-CP | Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo | 12/11/2013 |
| 3. | Nghị định số 11/2015/NĐ-CP | Quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường | 31/01/2015 |
| 4. | Nghị định số 106/2016/NĐ-CP | Quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao | 01/7/2016 |
| 5. | Nghị định số 142/2018/NĐ-CP | Sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 09/10/2018 |
| 6. | Nghị định số 152/2018/NĐ-CP | Quy định một số chế độ chính sách cho huấn luyện viên, vận động viên tập trung tập huấn, thi đấu | 07/11/2018 |
| 7. | Nghị định số 36/2019/NĐ-CP | Quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao | 29/4/2019 |
| 8. | Nghị định số 46/2019/NĐ-CP | Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể thao | 27/5/2019 |
| III | Quyết định | | |
| 1. | Quyết định số 641/QĐ-TTg | Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030. | 28/4/2011 |
| 2. | Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg | Quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu. | 06/6/2011 |
| 3. | Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg | Quy định về chế độ bồi dưỡng, chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên TDTT. | 16/11/2012 |
| 4. | Quyết định số 670/QĐ-TTg | Phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội TDTT các cấp và Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VII năm 2014 | 06/6/2012 |

| STT | Số, loại văn bản | Tên văn bản | Thời gian ban hành |
|-----|------------------------------|--|--------------------|
| 5. | Quyết định số 236/QĐ-TTg | Phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội TDTT bãi biển châu Á lần thứ 5 năm 2016 tại Việt Nam | 28/01/2013 |
| 6. | Quyết định số 419/QĐ-TTg | Phê duyệt Chiến lược phát triển bóng đá Việt Nam đến năm 2020 định hướng đến năm 2030. | 08/3/2013 |
| 7. | Quyết định số 2160/QĐ-TTg | Phê duyệt Quy hoạch phát triển TDTT đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 | 11/3/2013 |
| 8. | Quyết định số 1752/QĐ-TTg | Phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật TDTT quốc gia đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 | 30/9/2013 |
| 9. | Quyết định số 2164/QĐ-TTg | Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 – 2020, định hướng đến năm 2030 | 11/11/2013 |
| 10. | Quyết định số 82/2013/QĐ-TTg | Quy định về một số chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao xuất sắc | 31/12/2013 |
| 11. | Quyết định số 914/QĐ-TTg | Về Quy hoạch phát triển bóng đá Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 | 08/3/2013 |
| 12. | Quyết định số 22/2014/QĐ-TTg | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục TDTT trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 13/3/2014 |
| 13. | Quyết định số 1076/QĐ-TTg | Về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025. | 17/6/2016 |
| 14. | Quyết định số 234/QĐ-TTg | Về phê duyệt Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em giai đoạn 2016-2020. | 05/02/2016 |

| STT | Số, loại văn bản | Tên văn bản | Thời gian ban hành |
|-------------|--|---|--------------------|
| 15. | Quyết định số 21/2018/QĐ-TTg | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục TDTT thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 07/5/2018 |
| 16. | Quyết định số 1616/QĐ-TTg | Tổ chức Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 và Đại hội Thể thao người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 11 năm 2021 | 13 /11/2019 |
| D | THÔNG TƯ LIÊN TỊCH | | |
| 1.1. | Thông tư | | |
| 1. | Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL | Hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao | 07/11/2011 |
| 2. | Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT/BTC-BLĐT BXH-BVHTTDL | Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg, ngày 06/6/2011 về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu. | 12/9/2012 |
| 3. | Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL | Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao | 30/12/2011 |
| 4. | Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BVHTTDL-BCA | Quy định trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí thể thao trong tập luyện và thi đấu thể thao. | 18/10/2013 |
| 5. | Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL- BNV | Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của Viên chức chuyên ngành TDTT. | 17/10/2014 |
| 6. | Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BNV-BVHTTDL | Hướng dẫn bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành TDTT | 26/6/2015 |
| 7. | Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV | Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở, phòng Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện. | 14/9/2015 |

| STT | Số, loại văn bản | Tên văn bản | Thời gian ban hành |
|----------|--|--|--------------------|
| E | CÁC BỘ, NGÀNH | | |
| I | Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du lịch | | |
| 1. | Thông tư số 01/2011/TT-BVHTTDL | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động võ đạo giải trí | 06/01/2011 |
| 2. | Thông tư số 02/2011/TT-BVHTTDL | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn | 10/01/2011 |
| 3. | Thông tư số 03/2011/TT-BVHTTDL | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động khiêu vũ thể thao | 14/01/2011 |
| 4. | Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL | Quy định mẫu tổ chức hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn | 08/3/2011 |
| 5. | Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL | Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT, ngày 20/7/2007 của Ủy ban TDTT hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP, ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thể dục, thể thao. | 29/6/2011 |
| 6. | Thông tư số 13/2011/TT-BVHTTDL | Quy định trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 07/11/2011 |
| 7. | Thông tư số 14/2011/TT-BVHTTDL | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động võ thuật Cổ truyền và Vovinam | 09/11/2011 |
| 8. | Thông tư số 15/2011/TT-BVHTTDL | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Quần vợt | 14/11/2011 |

| STT | Số, loại văn bản | Tên văn bản | Thời gian ban hành |
|-----|--------------------------------|---|--------------------|
| 9. | Thông tư số 16/2011/TT-BVHTTDL | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ. | 14/11/2011 |
| 10. | Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL | Quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ TDTT cơ sở | 02/12/2011 |
| 11. | Thông tư số 19/2011/TT-BVHTTDL | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Dù lượn và Điều bay có động cơ | 05/12/2011 |
| 12. | Thông tư số 20/2011/TT-BVHTTDL | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Quyền Anh | 09/12/2011 |
| 13. | Thông tư số 21/2011/TT-BVHTTDL | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo | 27/12/2011 |
| 14. | Thông tư số 04/2012/TT-BVHTTDL | Quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng trang thiết bị tập luyện, thi đấu của các đội tuyển thể thao quốc gia và đội tuyển trẻ thể thao quốc gia | 30/3/2012 |
| 15. | Thông tư số 08/2012/TT-BVHTTDL | Quy định nội dung đánh giá phát triển thể dục, thể thao | 10/9/2012 |
| 16. | Thông tư số 09/2012/TT-BVHTTDL | Quy định về tổ chức giải thi đấu thể thao quần chúng. | 19/11/2012 |
| 17. | Thông tư số 10/2012/TT-BVHTTDL | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng. | 29/11/2012 |
| 18. | Thông tư số 11/2012/TT-BVHTTDL | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Judo. | 06/12/2012 |

| STT | Số, loại văn bản | Tên văn bản | Thời gian ban hành |
|-----|--------------------------------|---|--------------------|
| 19. | Thông tư số 12/2012/TT-BVHTTDL | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá. | 10/12/2012 |
| 20. | Thông tư số 13/2012/TT-BVHTTDL | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn. | 10/12/2012 |
| 21. | Thông tư số 14/2012TT-BVHTTDL | Quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông. | 10/12/2012 |
| 22. | Thông tư số 16/2012/TT-BVHTTDL | Quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Patin. | 24/12/2012 |
| 23. | Thông tư số 01/2013/TT-BVHTTDL | Quy định một số nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với Hội thể thao quốc gia. | 02/01/2013 |
| 24. | Thông tư số 09/2013/TT-BVHTTDL | Quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Karatedo. | 26/11/2013 |
| 25. | Thông tư số 13/2013/TT-BVHTTDL | Quy định một số nội dung quản lý tổ chức hoạt động thi đấu Mô tô thể thao. | 18/12/2013 |
| 26. | Thông tư số 14/2013/TT-BVHTTDL | Quy định một số nội dung quản lý tổ chức hoạt động thi đấu Xe đạp thể thao. | 19/12/2013 |
| 27. | Thông tư số 03/2014/TT-BVHTTDL | Quy định về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch. | 26/5/2014 |
| 28. | Thông tư số 06/2014/TT-BVHTTDL | Quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bắn súng. | 04/6/2014 |

| STT | Số, loại văn bản | Tên văn bản | Thời gian ban hành |
|-----|--------------------------------|---|--------------------|
| 29. | Thông tư số 14/2014/TT-BVHTTDL | Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2011/TT-BVHTTDL, ngày 10/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bơi, Lặn. | 10/11/2014 |
| 30. | Thông tư số 22/2014/TT-BVHTTDL | Quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Đua thuyền Rowing, Canoeing và Thuyền truyền thống. | 15/12/2014 |
| 31. | Thông tư số 01/2015/TT-BVHTTDL | Quy định về tiêu chuẩn khen thưởng và đề nghị khen thưởng vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích xuất sắc tại giải thể thao quốc tế | 30/3/2015 |
| 32. | Thông tư số 03/2015/TT-BVHTTDL | Quy định về giám định khoa học đánh giá trình độ tập luyện thể thao và kiểm tra sức khỏe của vận động viên | 03/6/2015 |
| 33. | Thông tư số 14/2015/TT-BVHTTDL | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Lặn biển. | 22/12/2015 |
| 34. | Thông tư số 17/2015/TT-BVHTTDL | Quy định về phòng, chống doping trong hoạt động thể thao. | 31/12/2015 |
| 35. | Thông tư số 18/2015/TT-BVHTTDL | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Ô tô địa hình. | 31/12/2015 |
| 36. | Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL | Quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu Yoga. | 08/11/2016 |
| 37. | Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL | Quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu Golf. | 05/12/2016 |

| STT | Số, loại văn bản | Tên văn bản | Thời gian ban hành |
|-----|--------------------------------|--|--------------------|
| 38. | Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Cầu lông. | 29/12/2017 |
| 39. | Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Taekwondo. | 29/12/2017 |
| 40. | Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Karate. | 19/01/2018 |
| 41. | Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bơi, Lặn. | 19/01/2018 |
| 42. | Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Billards & Snooker. | 22/01/2018 |
| 43. | Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng bàn. | 22/01/2018 |
| 44. | Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Dù lượn và Điều bay. | 30/01/2018 |
| 45. | Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Khiêu vũ thể thao. | 30/01/2018 |
| 46. | Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thẩm mỹ. | 31/01/2018 |
| 47. | Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Judo. | 31/01/2018 |

| STT | Số, loại văn bản | Tên văn bản | Thời gian ban hành |
|-----|--------------------------------|---|--------------------|
| 48. | Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thể hình và Fitness. | 31/01/2018 |
| 49. | Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lân Sư Rồng. | 31/01/2018 |
| 50. | Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Võ đạo thể thao giải trí. | 07/02/2018 |
| 51. | Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quyền anh. | 08/02/2018 |
| 52. | Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam. | 09/3/2018 |
| 53. | Thông tư số 15/2018/TT-BVHTTDL | Quy định chuyên môn về tiêu chuẩn trọng tài, giám sát, cơ sở vật chất, trong thiết bị của doanh nghiệp tổ chức hoạt động Đua chó để kinh doanh đặt cược. | 14/3/2018 |
| 54. | Thông tư số 16/2018/TT-BVHTTDL | Quy định chuyên môn về tiêu chuẩn trọng tài, giám sát, cơ sở vật chất, trong thiết bị, nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp tổ chức hoạt động Đua ngựa để kinh doanh đặt cược. | 14/3/2018 |
| 55. | Thông tư số 17/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Mô tô nước trên biển. | 13/3/2018 |
| 56. | Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng đá. | 20/3/2018 |

| STT | Số, loại văn bản | Tên văn bản | Thời gian ban hành |
|-----|--------------------------------|---|--------------------|
| 57. | Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quần vợt. | 20/3/2018 |
| 58. | Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Patin. | 02/4/2018 |
| 59. | Thông tư số 21/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lặn biển thể thao giải trí | 04/4/2018 |
| 60. | Thông tư số 61/2018/TT-BTC | Quy định nội dung và mức chi thể thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao. | 26/7/2018 |
| 61. | Thông tư số 23/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành TDTT. | 21/8/2018 |
| 62. | Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng ném. | 19/9/2018 |
| 63. | Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Leo núi thể thao. | 26/9/2018 |
| 64. | Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Wushu. | 28/9/2018 |
| 65. | Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bắn súng thể thao | 05/10/2018 |
| 66. | Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng rổ. | 05/10/2018 |

| STT | Số, loại văn bản | Tên văn bản | Thời gian ban hành |
|------------------------|--------------------------------|--|--------------------|
| 67. | Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL | Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Đấu kiếm thể thao. | 02/11/2018 |
| 68. | Thông tư số 01/2019/TT-BVHTTDL | Quy định đánh giá phong trào thể dục, thể thao quần chúng. | 17/01/2019 |
| 69. | Thông tư số 04/2019/TT-BVHTTDL | Ban hành danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện, hoạt động thể thao mạo hiểm. | 17/7/2019 |
| 1.2. Quyết định | | | |
| 1. | Quyết định số 10/QĐ-BVHTTDL | Phê duyệt Đề án bảo tồn và phát triển Võ Cổ truyền Việt Nam đến năm 2020 . | 03/01/2014 |
| 2. | Quyết định số 48/QĐ-BVHTTDL | Phê duyệt Đề án "tăng cường trách nhiệm của nhà nước; phát huy vai trò nâng cao hiệu quả hoạt động của các hội thể thao quốc gia" | 08/01/2014 |
| 3. | Quyết định số 2112/QĐ-BVHTTDL | Công bố danh mục các môn, nội dung thi đấu TT thuộc nhóm I, nhóm II, nhóm III | 14/6/2019 |
| 4. | Quyết định số 458/QĐ-BVHTTDL | Ban hành Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn, nội dung quy trình cung cấp dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước định mức kinh tế - kỹ thuật trong bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc, thể thao đặc thù | 27/02/2020 |
| 5. | Quyết định số 407/QĐ-BVHTTDL | Ban hành quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn, nội dung, quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật trong tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho hướng dẫn viên, cộng tác viên TDTT sử dụng ngân sách nhà nước | 14/02/2020 |
| 6. | Quyết định số 2060/QĐ-BVHTTDL | Ban hành quy định định mức kinh tế - kỹ thuật trong việc tổ chức các Đại hội thể thao, giải thể thao trong nước và quốc tế do Việt Nam đăng cai | 21/7/2020 |

| STT | Số, loại văn bản | Tên văn bản | Thời gian ban hành |
|-------------|---|--|--------------------|
| 7. | Quyết định số 1968/QĐ-BVHTTDL | Phê duyệt Đề án tổng thể chuẩn bị và tổ chức Đại hội thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 và Đại hội thể thao Người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 11 năm 2021 tại Việt Nam | 13/7/2020 |
| 8. | Quyết định số 400/QĐ-BVHTTDL | Phê duyệt Đề án Khảo sát thể chất người Việt Nam theo tiêu chí của ASEAN | 14/02/2020 |
| 9. | Quyết định số 2052/QĐ-BVHTTDL | Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn, nội dung, quy trình cung cấp dịch vụ và định mức kinh tế - kỹ thuật về phòng, chống Doping trong hoạt động thể thao | 20/7/2020 |
| 10. | Quyết định số 2277/QĐ-BVHTTDL | Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn, nội dung, quy trình cung cấp dịch vụ và định mức kinh tế - kỹ thuật trong khám, chữa bệnh, điều trị chấn thương cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập huấn và thi đấu | 13/8/2020 |
| 1.3. | Chương trình phối hợp | | |
| 1. | Chương trình phối hợp số 639/CTPH-BVHTTDL-HLHPNVN | Chương trình phối hợp "Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao | 07/11/2013 |
| II | Bộ Giáo dục và Đào tạo | | |
| 2.1. | Chỉ thị | | |
| 1. | Chỉ thị số 572/CT-BGDĐT | Về việc tăng cường các giải pháp phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước cho trẻ em, học sinh, sinh viên. | 12/5/2016 |
| 2.2. | Thông tư | | |
| 1. | Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT | Ban hành Quy định về chương trình môn học giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học. | 14/10/2015 |

| STT | Số, loại văn bản | Tên văn bản | Thời gian ban hành |
|-------------|------------------------------|--|--------------------|
| 2. | Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT | Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 4, điểm d khoản 1 và đoạn đầu khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông. | 28/02/2018 |
| 3. | Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT | Sửa đổi, bổ sung tên và một số Điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy. | 01/3/2018 |
| 4. | Thông tư số 02/2019/TT-BGDĐT | Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy được ban hành theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT, ngày 25/01/2017; đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT, ngày 01/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. | 28/02/2019 |
| 5. | Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT | Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu. | 05/4/2019 |
| 6. | Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT | Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. | 26/5/2020 |
| 7. | Thông tư số 48/2020/TT-BGDĐT | Ban hành Quy định về hoạt động thể thao trong nhà trường. | 31/12/2020 |
| 2.3. | Quyết định | | |
| 1. | Quyết định số 1611/QĐ-BGDĐT | Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg, ngày | 10/5/2017 |

| STT | Số, loại văn bản | Tên văn bản | Thời gian ban hành |
|-------------|---|---|--------------------|
| | | 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025. | |
| 2. | Quyết định số 4591/QĐ-BGDĐT | Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn II (2016-2020) của ngành Giáo dục. | 02/11/2017 |
| 3. | Quyết định số 1705/QĐ-BGDĐT | Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về phòng, chống đuối nước và đẩy mạnh phong trào học bơi trong học sinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức giải Bơi học sinh phổ thông toàn quốc năm 2020. | 26/6/2020 |
| 2.3. | <i>Kết luận, chương trình phối hợp, công văn, kế hoạch</i> | | |
| 2. | Chương trình phối hợp số 917/CTr-BGDĐT-BVHTTDL | Về việc phối hợp chỉ đạo, quản lý, tổ chức công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học giai đoạn 2016-2020. | 10/12/2016 |
| 3. | Thông báo Kết luận số 158/TB-BGDĐT | Về việc thông báo Kết luận của Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ tại Hội nghị nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và thể thao trong ngành Giáo dục. | 04/3/2019 |
| 4. | Công văn số 1384/BGDĐT-CTHSSV | Hướng dẫn thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên TDTT. | 15/3/2013 |
| 5. | Công văn số 3341/BGDĐT-CTHSSV | Về việc tăng cường công tác phòng, tránh tai nạn do đuối nước cho trẻ em, học sinh, sinh viên. | 21/5/2013 |

| STT | Số, loại văn bản | Tên văn bản | Thời gian ban hành |
|-----|-------------------------------|---|--------------------|
| 6. | Công văn số 4775/BGDĐT-CTHSSV | Về việc triển khai, tổ chức thực hiện bài tập thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ, bài võ cổ truyền trong các trường phổ thông. | 18/9/2015 |
| 7. | Công văn số 6060/BGDĐT-CTHSSV | Về việc kiểm tra, đôn đốc, thực hiện một số hoạt động giáo dục cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục đào tạo. | 18/11/2015 |
| 8. | Công văn số 1761/BGDĐT-CTHSSV | Về việc tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền phòng, tránh tai nạn thương tích và đuối nước cho trẻ em, học sinh. | 21/4/2016 |
| 9. | Công văn số 1121/BGDĐT-CTHSSV | Về việc tăng cường phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước cho học sinh, sinh viên dịp hè năm 2017. | 22/3/2017 |
| 10. | Công văn số 1702/BGDĐT-CTHSSV | Về việc giáo dục kỹ năng phòng, tránh tai nạn đuối nước cho học sinh các trường phổ thông. | 27/4/2017 |
| 11. | Công văn số 5675/BGDĐT-GDTC | Về việc tăng cường phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước cho học sinh, sinh viên. | 31/11/2017 |
| 12. | Công văn số 1281/BGDĐT-GDTC | Về việc tăng cường phòng, chống tai nạn đuối nước học sinh, sinh viên dịp hè năm 2018. | 04/4/2018 |
| 13. | Công văn số 3502/BGDĐT-GDTC | Về việc tăng cường công tác đảm bảo an toàn trường học năm 2018 -2019. | 16/8/2018 |
| 14. | Công văn số 2216/BGDĐT-GDTrH | Về việc quy định đối tượng tuyển thẳng học sinh vào trung học phổ thông. | 23/5/2019 |
| 15. | Kế hoạch số 801/KH-BGDĐT | Về việc triển khai thực hiện phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2016-2020 của ngành Giáo dục. | 04/11/2016 |
| 16. | Kế hoạch số 575/KH-BGDĐT | Về việc triển khai tổ chức Giải Bơi học sinh phổ thông toàn quốc năm 2020. | 17/7/2020 |

| STT | Số, loại văn bản | Tên văn bản | Thời gian ban hành |
|---------------------------------------|-------------------------------|--|--------------------|
| 17. | Kế hoạch số 680/KH-BGDĐT | Về bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ tổ chức hoạt động thể thao trong trường học cho đội ngũ giáo viên cốt cán làm công tác giáo dục thể chất. | 28/8/2020 |
| III Văn bản của bộ, ngành khác | | | |
| 3.1 Quân ủy Trung ương | | | |
| 1. | Kế hoạch số 742-KH/QU | Về thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW | 13/12/2011 |
| 2. | Nghị quyết số 765-NQ/QUTW | Về nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2013-2020 và những năm tiếp theo | 20/12/2011 |
| 3. | Kết luận số 60/KL/QUTW | Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 765-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương | 18/01/2012 |
| 4. | Hướng dẫn số 667/HD-CT | Về thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW | 17/5/2012 |
| 5. | Kế hoạch số 909/KH-TM | Về thực hiện Nghị quyết 765-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương | 20/6/2014 |
| 3.2 Bộ Công an | | | |
| 1. | Quyết định số 1018/QĐ-BCA-X11 | Về mở lớp bồi dưỡng cán bộ TDTT lực lượng Công an Nhân dân | 06/3/2013 |
| 2. | Quyết định số 95/QĐ-BCA-X11 | Về việc ban hành Quy định thi đấu võ thuật ứng dụng trong lực lượng Công an Nhân dân | 07/11/2013 |
| 3. | Thông tư số 24/2013/TT-BCA | Quy định tiêu chuẩn rèn luyện thể lực trong lực lượng Công an Nhân dân | 11/4/2013 |
| 4. | Thông tư số 19/2015/TT-BCA | Quy định chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên và các hoạt động thể dục, thể thao trong lực lượng Công an Nhân dân | 11/5/2015 |
| 5. | Thông tư số 106/2020/TT-BCA | Quy định chế độ rèn luyện thể lực trong lực lượng Công an Nhân dân | 08/10/2020 |
| 6. | Chỉ thị số 02/CT-BCA | Về công tác TDTT lực lượng Công an Nhân dân trong thời gian tới | 13/2/2020 |

| STT | Số, loại văn bản | Tên văn bản | Thời gian ban hành |
|------------|--------------------------------------|--|--------------------|
| 3.3 | Bộ Tài chính | | |
| 1. | Thông tư số 61/2018/TT-BTC | Quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao thay thế cho Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL, ngày 07/11/2011 | 26/10/2020 |
| 2. | Thông tư số 86/2020/TT-BTC | Quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao. | 26/10/2020 |
| 3.4 | Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam | | |
| 1. | Hướng dẫn số 20/HD-DCT-TG | Hướng dẫn thực hiện chủ trương “ Mỗi cơ sở Hội duy trì một hình thức văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao | 03/9/2013 |

F. Số lượng văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của cấp tỉnh ủy, thành ủy

| TT | Tỉnh, thành phố | Loại văn bản | | | | | | | | | | | | | | Tổng |
|-----|-----------------|-------------------|---------|-------|----------|-----------|----------|------------|----------|-----------------|---------|--------------|----------|----------|-----------|------|
| | | Tỉnh ủy, thành ủy | | | | | | HĐND | | Ủy ban nhân dân | | | | | | |
| | | Nghị quyết | Chỉ thị | CT HD | Kết luận | Hướng dẫn | Kế hoạch | Nghị quyết | Kế hoạch | Quyết định | Chỉ thị | Chương trình | Kế hoạch | Công văn | Hướng dẫn | |
| 1. | An Giang | | | 1 | | | | 2 | | 5 | | | 9 | | | 17 |
| 2. | B. Rịa-V. Tàu | | | | | | 1 | 2 | 5 | 1 | | | | 1 | | 10 |
| 3. | Bắc Kạn | 1 | | | | | | 1 | 3 | 4 | | | | | | 8 |
| 4. | Bắc Giang | | | | | | | 2 | | 6 | | | 1 | | | 9 |
| 5. | Bạc Liêu | | 1 | | | | | 7 | | 14 | | | 3 | 2 | | 27 |
| 6. | Bắc Ninh | | 1 | 1 | 5 | | | 8 | | 10 | | 1 | 1 | | | 27 |
| 7. | Bến Tre | | | 1 | | | | | | | | | 2 | | | 3 |
| 8. | Bình Định | | | 1 | | | | 2 | | 17 | 3 | | | | | 23 |
| 9. | Bình Dương | | 1 | 1 | | | | 1 | | 9 | | | 4 | | | 16 |
| 10. | Bình Phước | | | 1 | | | | 1 | | 5 | | | 5 | | | 12 |
| 11. | Bình Thuận | | | 1 | 1 | 1 | 1 | | | 7 | | | 2 | | | 13 |
| 12. | Cà Mau | | | 1 | | | | 3 | | 7 | | | 1 | | | 12 |
| 13. | Cần Thơ | | | | 1 | | | 1 | | 4 | | | 2 | 2 | | 14 |
| 14. | Cao Bằng | | 1 | | | | | | | 2 | | | | | | 4 |
| 15. | Đà Nẵng | | | 1 | | | | 2 | | 13 | 1 | | 7 | | | 24 |
| 16. | Đắk Lắk | 4 | | 1 | | 1 | | | | 12 | | | 1 | | | 19 |
| 17. | Đắk Nông | | | 1 | | | | 2 | | | | | | | | 3 |
| 18. | Điện Biên | 2 | 1 | | | | 1 | 1 | 3 | 1 | 13 | | 9 | | 1 | 31 |
| 19. | Đồng Nai | | | | | | 1 | 1 | 5 | | 2 | | 13 | | | 22 |
| 20. | Đồng Tháp | | | 1 | | | | 3 | | 3 | | | 5 | | | 12 |
| 21. | Gia Lai | | 1 | | | | | 41 | | 4 | | | 1 | | | 47 |
| 22. | Hà Giang | | | | | | 1 | 3 | | 7 | | | 19 | 2 | | 32 |

| TT | Tỉnh, thành phố | Loại văn bản | | | | | | | | | | | | | Tổng | |
|-----|-----------------|-------------------|---------|-------|----------|-----------|----------|------------|-----------------|------------|---------|--------------|----------|----------|------|-----------|
| | | Tỉnh ủy, thành ủy | | | | | HĐND | | Ủy ban nhân dân | | | | | | | |
| | | Nghị quyết | Chỉ thị | CT HĐ | Kết luận | Hướng dẫn | Kế hoạch | Nghị quyết | Kế hoạch | Quyết định | Chỉ thị | Chương trình | Kế hoạch | Công văn | | Hướng dẫn |
| 23. | Hà Nam | | 1 | | | | | 1 | | 2 | | | 6 | | | 10 |
| 24. | Hà Nội | | 2 | 3 | | | | 2 | | 2 | | | 6 | | | 15 |
| 25. | Hà Tĩnh | | | | | 1 | | 8 | | 4 | | | 5 | | | 18 |
| 26. | Hải Dương | | | | | | 1 | 3 | | 4 | | | 1 | | | 9 |
| 27. | Hải Phòng | | | | 1 | | | 4 | | 4 | | | | | | 9 |
| 28. | Hậu Giang | | | 1 | | | | 1 | | 2 | | | 1 | | | 5 |
| 29. | Hoà Bình | 1 | | 1 | 2 | | 1 | 4 | | 7 | | | 2 | | | 0 |
| 30. | Hưng Yên | | | | 1 | | 1 | 2 | | 5 | | | 3 | | | 12 |
| 31. | Khánh Hoà | | | 1 | | | | 7 | | 9 | | | 4 | | | 21 |
| 32. | Kiên Giang | | | 1 | | | | 4 | 5 | 6 | | | 3 | | | 19 |
| 33. | Kon Tum | | | 2 | | | 2 | 5 | 1 | 8 | | | 1 | | | 19 |
| 34. | Lai Châu | | | 1 | | | 1 | 2 | | 12 | | | 10 | | | 26 |
| 35. | Lâm Đồng | | | 1 | | 1 | | | | 2 | | | 1 | | | 5 |
| 36. | Lạng Sơn | | 1 | | | | 1 | 5 | | 11 | | | 10 | | | 28 |
| 37. | Lào Cai | 1 | 1 | | | | 2 | 3 | | 5 | | | 10 | 1 | | 23 |
| 38. | Long An | | | 1 | | | | 5 | | 16 | 2 | | 15 | | | 39 |
| 39. | Nam Định | | | | | 1 | 1 | | | 9 | | | 7 | 2 | | 20 |
| 40. | Nghệ An | | | | | 1 | 2 | 9 | | 17 | 1 | 1 | 3 | | | 34 |
| 41. | Ninh Bình | 2 | | 2 | | | | 4 | | 1 | | | 4 | | | 13 |
| 42. | Ninh Thuận | | | | | | 1 | 3 | | 0 | | | 2 | 4 | | 10 |
| 43. | Phú Thọ | 1 | | 1 | | | | 2 | | 1 | | | 10 | | | 15 |
| 44. | Phú Yên | | | 1 | | 1 | | 3 | | 4 | | | 12 | | | 21 |
| 45. | Quảng Bình | | | 1 | | | | 3 | | 7 | 3 | | | | | 14 |

| TT | Tỉnh, thành phố | Loại văn bản | | | | | | | | | | | | | | Tổng |
|-------------|-----------------|-------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|------------|----------|-----------------|-----------|--------------|------------|-----------|-----------|-------------|
| | | Tỉnh ủy, thành ủy | | | | | | HĐND | | Ủy ban nhân dân | | | | | | |
| | | Nghị quyết | Chỉ thị | CT HĐ | Kết luận | Hướng dẫn | Kế hoạch | Nghị quyết | Kế hoạch | Quyết định | Chi thị | Chương trình | Kế hoạch | Công văn | Hướng dẫn | |
| 46. | Quảng Nam | | | 1 | | | 1 | 5 | | 7 | 2 | | 12 | | | 28 |
| 47. | Quảng Ngãi | | | 1 | | 1 | | 2 | | 6 | | 1 | 2 | | | 13 |
| 48. | Quảng Ninh | 2 | 1 | 1 | | | | 6 | | 6 | | | 2 | | | 18 |
| 49. | Quảng Trị | | | 1 | | | | 2 | | 3 | | | 3 | | | 9 |
| 50. | Sóc Trăng | | | 1 | | | | 3 | | 4 | | | 2 | | | 10 |
| 51. | Sơn La | | 1 | | 1 | | 1 | 5 | | 9 | | | 10 | | | 27 |
| 52. | Tây Ninh | | | 1 | | | | 4 | | 7 | | | | | | 12 |
| 53. | Thái Bình | | 1 | | 1 | 1 | | 3 | | 5 | 6 | | 1 | | | 18 |
| 54. | Thái Nguyên | | 1 | | 1 | | | 2 | | 9 | | | 7 | 4 | | 24 |
| 55. | Thanh Hoá | | | | | 1 | 2 | 4 | | 16 | | | 5 | | | 28 |
| 56. | TP. HCM | | | 1 | | | | 1 | | 2 | | | 1 | | | 5 |
| 57. | TT-Huế | 1 | | | | | | 3 | | 4 | | | 1 | | | 9 |
| 58. | Tiền Giang | | | 1 | | | | 7 | | 4 | 1 | | 2 | | | 15 |
| 59. | Trà Vinh | 1 | 1 | 1 | | | | 4 | | 2 | | | | | | 9 |
| 60. | Tuyên Quang | 1 | | 1 | 1 | | | 4 | | 4 | | | 1 | | | 12 |
| 61. | Vĩnh Long | | | 1 | | | | 6 | | 9 | 1 | | | 2 | | 19 |
| 62. | Vĩnh Phúc | | | | | | 1 | 5 | | 2 | | | 2 | | | 10 |
| 63. | Yên Bái | | | 1 | | | | 6 | | 2 | 2 | | 3 | | | 14 |
| Tổng | | 17 | 16 | 41 | 15 | 11 | 25 | 247 | 7 | 386 | 25 | 3 | 255 | 20 | 1 | 1069 |

PHỤ LỤC II

Triển khai kiểm tra, sơ kết, tổng kết Nghị quyết số 08 – NQ/TW, ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020”

| TT | Cơ quan | Kiểm tra/giám sát | | Sơ kết, tổng kết | | | |
|-----------|---|-------------------|---|------------------|--------------------|--------|------|
| | | Không | Có, nêu rõ hình thức | Không | Có, nêu rõ định kỳ | | |
| | | | | | 5 năm | 10 năm | Khác |
| I | Các cơ quan Trung ương | | | | | | |
| 1 | Đảng Đoàn Quốc hội | | X | | X | X | |
| 2 | Quận ủy Trung ương | | X | | X | X | |
| 3 | Đảng ủy Công an Trung ương | | X | | X | X | |
| 4 | Ban cán sự đảng Bộ Nội Vụ | | X | | X | X | |
| 5 | Đảng đoàn Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam | | X | | X | X | |
| 6 | Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | X | | X | X | |
| 7 | Ban cán sự đảng Bộ Tài Chính | | X | | X | X | |
| 8 | Ban cán sự đảng Bộ công thương | | X | | X | X | |
| 9 | Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương | | X | | X | X | |
| 10 | Ban cán sự đảng Bộ Giao thông vận tải | | X | | X | X | |
| 11 | Ban cán sự đảng Bộ Ngoại giao | | X | | X | X | |
| II | Các tỉnh, thành ủy | | | | | | |
| 1 | An Giang | | X | | X | X | |
| 2 | Bà Rịa-Vũng Tàu | | Kiểm tra lồng ghép | | X | X | |
| 3 | Bắc Kạn | | Kiểm tra lồng ghép | | X | X | |
| 4 | Bắc Giang | | Kiểm tra giám sát hàng năm của cấp ủy, chính quyền cơ sở, ngành liên quan | | X | X | |
| 5 | Bạc Liêu | | Kiểm tra lồng ghép | | X | X | |

| TT | Cơ quan | Kiểm tra/giám sát | | Sơ kết, tổng kết | | | |
|----|------------|-------------------|--|------------------|--------------------|--------|------|
| | | Không | Có, nêu rõ hình thức | Không | Có, nêu rõ định kỳ | | |
| | | | | | 5 năm | 10 năm | Khác |
| 6 | Bắc Ninh | | Kiểm tra lồng ghép | | X | X | |
| 7 | Bến Tre | | X | | X | X | |
| 8 | Bình Định | | X | | X | X | |
| 9 | Bình Dương | | X | | X | X | |
| 10 | Bình Phước | | X | | X | X | |
| 11 | Bình Thuận | | X | | X | X | |
| 12 | Cà Mau | | Lồng ghép với nội dung sơ kết, tổng kết của Tỉnh ủy, Ủy ban ND tỉnh, ... | | X | X | |
| 13 | Cần Thơ | | X | | X | X | |
| 14 | Cao Bằng | | X | | X | X | |
| 15 | Đà Nẵng | | X | | X | X | |
| 16 | Đắk Lắk | | X | | X | X | |
| 17 | Đắk Nông | | X | | X | X | |
| 18 | Điện Biên | | X | | X | X | |
| 19 | Đồng Nai | | Định kỳ 6 tháng, năm | | X | X | |
| 20 | Đồng Tháp | | X | | X | X | |
| 21 | Gia Lai | | X | | X | X | |
| 22 | Hà Giang | | X | | X | X | |
| 23 | Hà Nam | | Kiểm tra theo chuyên đề | | X | X | |
| 24 | Hà Nội | | X | | X | X | |
| 25 | Hà Tĩnh | | Kiểm tra lồng ghép | | X | X | |
| 26 | Hải Dương | | X | | X | X | |

| TT | Cơ quan | Kiểm tra/giám sát | | Sơ kết, tổng kết | | | |
|----|------------|-------------------|---|------------------|--------------------|--------|------|
| | | Không | Có, nêu rõ hình thức | Không | Có, nêu rõ định kỳ | | |
| | | | | | 5 năm | 10 năm | Khác |
| 27 | Hải Phòng | | X | | X | X | |
| 28 | Hậu Giang | | X | | X | X | |
| 29 | Hoà Bình | | Kiểm tra lồng ghép và theo chuyên đề | | X | X | |
| 30 | Hưng Yên | | X | | X | X | |
| 31 | Khánh Hoà | | X | | X | X | |
| 32 | Kiên Giang | | X | | X | X | |
| 33 | Kon Tum | | X | | X | X | |
| 34 | Lai Châu | | Giám sát việc thực hiện các phong trào TDTT, chỉ tiêu TDTT hàng năm | | X | X | |
| 35 | Lâm Đồng | | X | | X | X | |
| 36 | Lạng Sơn | | Kiểm tra định kỳ hàng năm và kiểm tra đột xuất | | X | X | |
| 37 | Lào Cai | | X | | X | X | |
| 38 | Long An | | X | | X | X | |
| 39 | Nam Định | | X | | X | X | |
| 40 | Nghệ An | | Kiểm tra lồng ghép | | X | X | |
| 41 | Ninh Bình | | X | | X | X | |
| 42 | Ninh Thuận | | X | | X | X | |
| 43 | Phú Thọ | | Kiểm tra lồng ghép và theo chuyên đề | | X | X | |
| 44 | Phú Yên | | Kiểm tra lồng ghép và theo chuyên đề | | X | X | |

| TT | Cơ quan | Kiểm tra/giám sát | | Sơ kết, tổng kết | | | |
|----|-----------------|-------------------|----------------------------------|------------------|--------------------|--------|------|
| | | Không | Có, nêu rõ hình thức | Không | Có, nêu rõ định kỳ | | |
| | | | | | 5 năm | 10 năm | Khác |
| 45 | Quảng Bình | | X | | X | X | |
| 46 | Quảng Nam | | X | | X | X | |
| 47 | Quảng Ngãi | | Kiểm tra lồng ghép | | X | X | |
| 48 | Quảng Ninh | | X | | X | X | |
| 49 | Quảng Trị | | Kiểm tra lồng ghép | | X | X | |
| 50 | Sóc Trăng | | X | | X | X | |
| 51 | Sơn La | | X | | X | X | |
| 52 | Tây Ninh | | Kiểm tra chuyên đề. | | X | X | |
| 53 | Thái Bình | | X | | X | X | |
| 54 | Thái Nguyên | | Kiểm tra lồng ghép | | X | X | |
| 55 | Thanh Hoá | | X | | X | X | |
| 56 | TP. Hồ Chí Minh | | Kiểm tra trực tiếp tại các cơ sở | | X | X | |
| 57 | Thừa Thiên-Huế | | X | | X | X | |
| 58 | Tiền Giang | | X | | X | X | |
| 59 | Trà Vinh | | Kiểm tra lồng ghép | | X | X | |
| 60 | Tuyên Quang | | X | | X | X | |
| 61 | Vĩnh Long | | X | | X | X | |
| 62 | Vĩnh Phúc | | Kiểm tra lồng ghép | | X | X | |
| 63 | Yên Bái | | Kiểm tra lồng ghép | | X | X | |

Phụ lục III

Đề xuất, kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương về công tác thể dục, thể thao

1. Đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư

Đề nghị Ban Chấp hành Trung ương Ban hành Nghị quyết mới về phát triển thể dục, thể thao (Bắc Ninh).

Đề nghị Bộ Chính trị chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng và ban hành Nghị quyết về phát triển thể dục, thể thao cho giai đoạn 2021-2030 (Bình Định, Đắk Lắk, Hà Nam, Hải Dương, Khánh Hòa, Nghệ An, Ninh Bình, Quảng Trị, Tiền Giang).

Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiếp tục chỉ đạo tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tạo bước phát triển mạnh mẽ thể dục, thể thao, thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, mục tiêu về thể dục thể thao theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (Phú Thọ, Quảng Ninh).

Tổng kết và ban hành Kết luận tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW (Bộ Quốc phòng, Lai Châu). Đề nghị Trung ương nghiên cứu ban hành văn bản chỉ đạo, trong đó bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phát triển thể dục, thể thao phù hợp với tình hình mới; tiếp tục chỉ đạo tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và toàn xã hội trong thực hiện công tác phát triển thể dục, thể thao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước (Yên Bái).

Đề nghị Trung ương bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phát triển thể dục, thể thao phù hợp với tình hình mới, đặc biệt là các cơ chế, chính sách đẩy mạnh thực hiện công tác xã hội hóa phát triển sự nghiệp phát triển thể dục, thể thao; các chính sách ưu tiên cho các địa phương khó khăn chưa cân đối được ngân sách; quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư hợp lý cho hoạt động thể dục, thể thao; có chính sách thu hút, đãi ngộ đối với huấn luyện viên giỏi, vận động viên có thành tích cao (Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đắk Nông, Hà Giang, Hải Phòng, Vĩnh Long).

Trung ương quan tâm đầu tư hơn nữa về cho lĩnh vực thể dục thể thao, nhất là ở vùng nông thôn và vùng gặp nhiều khó khăn. Tạo điều kiện để Thái Bình đăng cai tổ chức các giải thi đấu thể thao quốc gia và quốc tế, tạo động lực phát triển phong trào TDTT của tỉnh (Thái Bình).

2. Đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương

Nghiên cứu, tham mưu Bộ chính trị ban hành Nghị quyết về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực thể dục, thể thao phù hợp với tình hình mới (Lào Cai).

Đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương quan tâm, chỉ đạo một số nội dung sau: Tăng cường công tác chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền tiếp tục quan tâm, đầu tư cho

công tác thể dục thể thao, triển khai thực hiện tốt các nghị quyết, chiến lược, quy hoạch, đề án, dự án phát triển sự nghiệp thể dục thể thao từ nay đến năm 2025, định hướng đến 2030; chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền hình trong cả nước đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác thể dục thể thao (Đảng ủy Công an Trung ương).

Tham mưu Ban Bí thư chỉ đạo các ban, bộ, ngành liên quan tổ chức khảo sát toàn diện công tác thể dục, thể thao ở địa phương, đánh giá đúng tình hình thực tế ở cơ sở (Quảng Ngãi).

Đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương có ý kiến với Ban cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quan tâm đầu tư các thiết chế thể thao ở cơ sở của tỉnh Thừa Thiên Huế, nhất là đối với hai huyện miền núi Nam Đông và A Lưới (Thừa Thiên Huế); ban hành văn bản hướng dẫn quy định về cơ cấu, số lượng cán bộ chuyên môn lĩnh vực thể dục, thể thao các cấp làm cơ sở cho địa phương thực hiện thống nhất và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các chương trình mục tiêu quốc gia đầu tư về đào tạo tài năng thể thao và thiết chế thể dục, thể thao đến các địa phương (Trà Vinh).

3. Đề nghị Chính phủ

Tiếp tục ban hành các nghị quyết, kế hoạch, chương trình phát triển thể dục thể thao trong giai đoạn tới; có cơ chế chính sách hỗ trợ, đầu tư cho các tỉnh miền núi, vùng dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật tập luyện thể dục, thể thao (Bắc Kạn). Kiến nghị với Chính phủ sớm xây dựng, ban hành kế hoạch, chương trình phát triển TDTT giai đoạn tới, đồng thời có cơ chế, chính sách hỗ trợ, đầu tư cụ thể để tổ chức thực hiện; trong đó, có cơ chế, chính sách đặc thù đối với các tỉnh miền núi, vùng dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật tập luyện TDTT (Điện Biên). Kiến nghị Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển TDTT cho giai đoạn tiếp theo 2021-2026 (Bạc Liêu).

Đề nghị Chính phủ, các bộ, ngành tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng, bổ sung các cơ chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về thể dục thể thao để đảm bảo thực hiện tốt công tác thể dục thể thao tại địa phương (Nam Định, Ninh Bình).

Kiến nghị Chính phủ xem xét ban hành các nghị định quy định về giáo dục thể chất và thể thao trường học; quy định về thiết chế thể dục, thể thao; quy định về đánh giá thể chất người Việt Nam; có chính sách tăng tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho hoạt động thể dục, thể thao ở các cấp và mức đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ thể dục, thể thao ở cơ sở, có chính sách cải thiện các điều kiện và nguồn lực phát triển thể dục, thể thao (tài chính, cơ sở vật chất – kỹ thuật, khoa

học, công nghệ và y học thể thao) nhằm tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao trong giai đoạn mới (Long An).

Kiến nghị Trung ương xem xét ban hành quy định về các thiết chế thể dục, thể thao cần có để phục vụ nhu cầu giáo dục thể chất và hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa ở các trường phổ thông; quy định cụ thể hơn về việc quản lý nhà nước đối với các hộ kinh doanh hoạt động thể thao và chế độ chính sách cho cán bộ làm công tác thể dục, thể thao ở cấp xã, phường, thị trấn (Sóc Trăng).

Đề nghị Chính phủ, các bộ, ngành ban hành các tiêu chuẩn về đất đai, xây dựng các thiết chế thể dục thể thao đối với khu vực dân cư, trường học ... phù hợp với đặc thù các vùng miền, các địa bàn khác nhau, để làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện (Phú Thọ).

Chỉ đạo các bộ, ngành nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến chính sách xã hội hóa, phù hợp với quy định của pháp luật đất đai và các luật có liên quan, tránh sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các luật, các văn bản, tạo hành lang pháp lý triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách xã hội hóa, thu hút nguồn lực đầu tư. Điều chỉnh một số điều của Luật quản lý sử dụng tài sản công và nghị định hướng dẫn để phân cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, liên kết theo cấp chính quyền (Đà Nẵng).

Ban hành cơ chế chính sách khuyến khích xã hội hóa thể dục thể thao, đặc biệt đối với thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp (Quảng Ninh)

Sớm ban hành chủ trương, cơ chế chính sách về phát triển kinh tế thể thao của Việt Nam trong thời gian tới, để phát triển thể thao song hành với phát triển kinh tế, trong đó tập trung vào các cơ sở pháp lý liên quan, chính sách mang tính chất "đòn bẩy" để thúc đẩy phát triển kinh tế thể thao; tạo lập và phát triển thị trường thể thao (Đà Nẵng).

Ban hành, hướng dẫn cụ thể việc thực hiện những chính sách, cơ chế ưu đãi về vốn đầu tư, thuế, đất đai, làm căn cứ vận động, đẩy mạnh công tác xã hội hóa đầu tư vào lĩnh vực thể dục thể thao, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu của nghị quyết, chiến lược trong giai đoạn tiếp theo (Hà Nam).

Kiến nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư sớm ban hành hướng dẫn về quy trình thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức xã hội hóa (Long An).

Có cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, kinh doanh, khai thác trong lĩnh vực thể dục, thể thao (Yên Bái).

Triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách đặc thù trong lĩnh vực thể dục, thể thao, đặc biệt là đối với các tỉnh miền núi, các địa bàn đặc biệt khó khăn để phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao (Yên Bái).

Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, rà soát, bổ sung nội dung danh mục dịch vụ bể bơi trong trường học (diện tích tối thiểu 200 m²), nhà tập luyện thể thao trong trường học (diện tích tối thiểu 100 m²) vào Mục C. Cơ sở cung cấp dịch vụ phục vụ giáo dục và đào tạo trong Quyết định số 1466/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhằm phục vụ việc đa dạng hóa các loại hình giáo dục trong nhà trường (Long An).

Đề nghị xây dựng chính sách về hỗ trợ việc làm, hướng nghiệp cho vận động viên tiêu biểu, xuất sắc sau khi giải nghệ để VĐV yên tâm cống hiến (Bắc Giang).

Đề nghị Trung ương, Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành liên quan điều chỉnh, thay đổi Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL, ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch về việc quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao. Hiện nay, so với mặt bằng chung không còn phù hợp, không tạo động lực để tổ chức hoạt động các giải thể thao đạt kết quả tốt nhất (Hà Tĩnh).

Hỗ trợ, bổ sung kinh phí hàng năm cho địa phương nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh các hoạt động thể dục, thể thao tại địa phương (Nam Định). Có cơ chế huy động các nguồn kinh phí hỗ trợ các địa phương đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giáo dục thể chất và thể thao trong trường học (Bắc Giang).

Quan tâm đầu tư, hỗ trợ kinh phí xây dựng, mua sắm các công trình, cơ sở vật chất thiết yếu, phục vụ các hoạt động thể dục thể thao cộng đồng đối với đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng, miền đặc biệt khó khăn. Tăng mức hỗ trợ kinh phí mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật cao cho các tỉnh đang cai tổ chức các giải thi đấu thể thao khu vực và quốc gia (Nghệ An).

Chỉ đạo tăng cường ngân sách sự nghiệp thể dục thể thao cho cấp xã, phường, thị trấn và cấp huyện, thị xã, thành phố. Có chính sách khuyến khích và huy động các nguồn vốn để xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao ở cấp xã phường, đặc biệt là văn hóa, thể thao thôn, bản ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo (Quảng Ninh).

Đề nghị Chính phủ tăng mức đầu tư hỗ trợ cơ sở vật chất kỹ thuật; quan tâm sớm đầu tư vốn xây dựng đồng bộ khu liên hợp thể thao vùng Tây nguyên theo Quyết định số 286/QĐ-TTg, ngày 09/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê

duyệt, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (Đắk Lắk).

Đề xuất Trung ương quan tâm, tạo điều kiện bố trí ngân sách Trung ương cho thành phố đầu tư 02 dự án: Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT thành phố và Khu Liên hợp TDTT Rạch Chiéc (Tp Hồ Chí Minh). Đề nghị Trung ương quan tâm hỗ trợ kinh phí để xây dựng các thiết chế văn hóa ở cấp huyện (Tuyên Quang).

Tăng tỷ trọng, định mức chi ngân sách cho sự nghiệp thể dục thể thao; quy định cụ thể chế độ đặc thù đối với vận động viên kiện tướng cấp I quốc gia. Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho tỉnh Lai Châu xây dựng các công trình thể dục thể thao cấp tỉnh (Lai Châu).

Chỉ đạo các bộ, ngành liên quan quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ thành phố Đà Nẵng trong việc triển khai đầu tư xây dựng những dự án, công trình văn hóa, thể thao, giải trí xứng tầm góp phần xây dựng Đà Nẵng là một trong những trung tâm văn hóa – thể thao của các khu vực và cả nước; tạo lập các thương hiệu sự kiện, dịch vụ văn hóa có uy tín trong nước và quốc tế theo Nghị quyết định số 43 – NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị (khóa XII) về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Đà Nẵng).

Chỉ đạo cơ quan chức năng có chương trình, dự án hỗ trợ về công tác TDTT đối với vùng đồng bào dân tộc, miền núi, vùng sâu, vùng xa (Vĩnh Phúc).

Đề nghị Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo Chính phủ tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ sự nghiệp thể dục thể thao cho địa phương, đặc biệt là đầu tư xây dựng cơ sở vật chất thể thao trường học theo quy chuẩn quốc gia; xây dựng khu thể thao cấp huyện như sân vận động, nhà tập, hồ bơi, ... và xây dựng cơ sở vật chất thể thao cấp xã theo Chương trình xây dựng nông thôn mới. Quan tâm hỗ trợ một phần kinh phí xây dựng khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh.

Kiến nghị với Trung ương quan tâm hỗ trợ nguồn vốn có mục tiêu để đầu tư xây dựng các thiết chế, công trình thể dục, thể thao quan trọng ở một số địa phương có điều kiện kinh tế khó khăn; đồng thời quan tâm hỗ trợ kinh phí đầu tư phục vụ cho các hoạt động thể thao, hội thao và các giải thể thao quốc gia, quốc tế do địa phương đăng cai (Ninh Thuận).

Chính phủ quan tâm đầu tư thêm một số hạng mục công trình, cơ sở vật chất để Quảng Nam đủ điều kiện tổ chức đăng cai các giải thể thao tầm quốc gia, quốc tế; hỗ trợ tạo điều kiện đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo điều kiện phục vụ nhu cầu hoạt động thể thao quần chúng (Quảng Nam).

Chỉ đạo các địa phương xây dựng quy hoạch, bố trí quỹ đất cho thể dục thể thao, đặc biệt trong các khu công nghiệp, khu chế xuất (Quảng Ninh)

Tăng hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho các tỉnh miền núi, vùng có khó khăn để các tỉnh có điều kiện được tham gia đăng cai tổ chức các giải thể thao lớn do Trung ương tổ chức (Đắk Nông).

Quan tâm phân bổ kinh phí dành cho việc triển khai, thực hiện Chiến lược phát triển thể dục thể thao (Hà Nam). Đề nghị Chính phủ sớm bố trí nguồn kinh phí đầu tư theo quy hoạch cho tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1752/QĐ-TTg, ngày 30/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh mục dự án đầu tư là trung tâm thể thao trọng điểm làm chức năng trung tâm vùng với tổng mức đầu tư từ ngân sách Trung ương là 600 tỷ đồng (giai đoạn 2014-2015 là 300 tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020 là 300 tỷ đồng) và nguồn kinh phí hợp pháp khác là 200 tỷ đồng (Khánh Hòa).

Đề nghị Chính phủ, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch tăng cường hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật; cơ chế, chính sách đẩy mạnh thực hiện công tác xã hội hóa phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao; chính sách thu hút, đãi ngộ đối với huấn luyện viên giỏi, vận động viên có thành tích cao; cử chuyên gia, huấn luyện viên giúp đỡ địa phương về công tác ứng dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến vào công tác tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao thành tích cao (Sơn La).

Kiến nghị với Chính phủ thống nhất trên toàn quốc về bộ máy, tổ chức của cơ quan chuyên môn lý nhà nước về thể dục thể thao và các đơn vị sự nghiệp TDTT thuộc tỉnh (Quảng Ninh)

4. Đối với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

4.1. Ban hành, điều chỉnh, bổ sung chính sách

Trung ương quan tâm việc tiếp tục tăng cường xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong việc quản lý, hướng dẫn đối với các hoạt động thể dục thể thao, đặc biệt là các môn thể thao giải trí, thể thao mạo hiểm và các cơ chế chính sách đáp ứng nhu cầu phát triển hiện nay (Lâm Đồng).

Đề nghị Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch sớm tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam cho giai đoạn tiếp theo và có những cơ chế chính sách phù hợp trong việc thực hiện chiến lược ở các địa phương (Long An). Tiếp tục xây dựng và ban hành Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam và có những cơ chế chính sách phù hợp trong những năm tiếp theo (Lâm Đồng). Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Chính phủ sớm ban hành các chủ trương, chính sách phát triển TDTT trong giai đoạn mới, với nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho từng cấp và nguồn lực thực hiện (Bắc Ninh).

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng và triển khai đề án, chương trình nhằm mở rộng, phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động TDTT quần chúng (Bình Định).

Nghiên cứu ban hành quy định về thể dục thể thao trong giai đoạn mới, tổng kết mô hình xã hội hóa thể dục thể thao ở các địa phương để nhân rộng lên toàn quốc (Lai Châu).

Đề nghị Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch sớm ban hành các hướng dẫn, chương trình phát triển thể dục thể thao giai đoạn 2021 – 2030; ban hành quy định cụ thể về điều kiện hoạt động của các hồ bơi bằng bạt, nhựa tổng hợp ... đã và đang hoạt động trong và ngoài nhà trường; quy định các tiêu chí, tiêu chuẩn biết bơi và kiểm tra, cấp giấy chứng nhận biết bơi cho trẻ em, học sinh. Hướng dẫn cụ thể hơn về quy định tổ chức giải thi đấu thể thao quần chúng và đưa việc xin tổ chức giải vào quy trình thủ tục hành chính như thông báo các sản phẩm quảng cáo hiện nay (tại Khoản 2, Điều 7, Thông tư số 09/2012/TT-BVHTTDL, ngày 19/11/2012 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (Khánh Hòa).

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành và hướng dẫn kịp thời các văn bản, quy chế quản lý lĩnh vực thể dục, thể thao để địa phương tổ chức thực hiện hiệu quả trên lĩnh vực quản lý nhà nước về thể dục, thể thao; tạo điều kiện thuận lợi về pháp lý, các thủ tục liên quan để Đắk Lắk mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trên lĩnh vực thể dục, thể thao (Đắk Lắk).

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về đầu tư đào tạo tài năng thể thao và đầu tư thiết chế TDTT các cấp, có chủ trương hỗ trợ địa phương xây dựng mô hình điểm về cơ sở vật chất và tổ chức các hoạt động thể thao; Tạo điều kiện cho Bắc Ninh đăng cai tổ chức các giải thi đấu thể thao quốc gia và quốc tế, tạo động lực phát triển phong trào TDTT của tỉnh (Bắc Ninh).

Bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phát triển TDTT phù hợp với tình hình mới; xây dựng hướng dẫn cụ thể về thực hiện cơ chế, chính sách trong công tác xã hội hóa phát triển sự nghiệp TDTT; các chính sách ưu tiên; bố trí nguồn lực đầu tư hợp lý cho hoạt động TDTT; có chính sách thu hút, đãi ngộ đối với huấn luyện viên giỏi, vận động viên có thành tích cao (Điện Biên).

Đề nghị Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch ban hành kịp thời các văn bản trong việc quản lý, hướng dẫn đối với các hoạt động thể dục, thể thao cho phù hợp với tình hình hiện nay, nhất là hướng dẫn cụ thể về quản lý hộ kinh doanh hoạt động thể dục, thể thao tại cơ sở (Long An).

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương trong việc xây dựng quy hoạch, kế

hoạch phát triển các hoạt động thể dục, thể thao, xây dựng các thiết chế, công trình và các điều kiện cần thiết phục vụ các hoạt động thể thao (Hung Yên).

Đề nghị Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch nghiên cứu và sớm ban hành các thông tư hướng dẫn đối với các môn thể thao mới để địa phương căn cứ phát triển phong trào thể dục, thể thao đúng định hướng (Đồng Nai).

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu giúp Chính phủ sớm ban hành các văn bản quy định về hoạt động thể thao chuyên nghiệp và các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện Luật TDTT (Đắk Nông).

Đề nghị Tổng cục Thể dục thể thao tham mưu Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung một số tiêu chuẩn đánh giá chất lượng về TDTT quân chúng cho phù hợp với sự phát triển chung của toàn xã hội; Tiếp tục hoàn thiện các văn bản dưới luật tạo hành lang pháp lý cho cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực TDTT thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện (Hà Nội).

Nghiên cứu xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển thể dục thể thao cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, vùng khó khăn nhằm phát triển phong trào tập luyện thể thao trong cộng đồng cơ sở, bảo tồn và phát huy các môn thể thao truyền thống của dân tộc, địa phương (Kon Tum).

Tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách về hoạt động TDTT của nhân dân thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới (Đắk Nông). Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc, hướng tới đưa các môn thể thao dân tộc gắn với việc phát triển du lịch ở các địa phương (Lào Cai). Bảo tồn, khôi phục và phát triển các môn thể thao dân tộc, các trò chơi dân gian, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, xây dựng nếp sống văn minh, lành lành (Quảng Ninh).

Tham mưu ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển các hoạt động thể dục thể thao, xây dựng các thiết chế, công trình và điều kiện cần thiết phục vụ cho các hoạt động thể thao (Ninh Bình).

Công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức xã hội, doanh nghiệp để phát triển sự nghiệp TDTT (Đắk Nông).

Sớm ban hành Thông tư quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất của các môn thể thao đáp ứng yêu cầu tập luyện và thi đấu thể thao, nhất là các loại hình hoạt động thể thao giải trí dưới nước, thể thao mạo hiểm để thuận lợi cho công tác quản lý hoạt động này (Đà Nẵng).

Ban hành chính sách tạo điều kiện, hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất để phát triển phong trào TDTT ở các xã vùng miền núi để đảm bảo chính sách công bằng xã hội trong thụ hưởng đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân (Vĩnh Phúc).

Đề xuất các bộ, ngành sớm ban hành hoặc trình Thủ tướng ban hành quy định về lựa chọn nhà đầu tư đối với các dự án thể thao nói chung và các dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa nói riêng (Tp Hồ Chí Minh).

Đề nghị Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch phối hợp với các bộ, ngành liên quan xem xét, điều chỉnh cơ chế, chính sách ưu đãi hơn nữa đối với các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động thể dục thể thao và hoạt động kinh doanh thể dục thể thao ở các địa phương trong điều kiện hiện nay (Long An).

Đề nghị Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch xem xét, tham mưu Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm, thống nhất quy định theo một văn bản quy phạm pháp luật và một cơ quan chủ trì tiếp nhận, giải quyết hồ sơ của doanh nghiệp để tạo điều kiện cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động nhưng vẫn đảm bảo các điều kiện an toàn cần thiết (Khánh Hòa). Thực hiện việc thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao các môn thể thao mạo hiểm và các môn thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện. Ngoài ra, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao (không thuộc danh mục các môn thể thao mạo hiểm và các môn thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện) thì không cần phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện mà chỉ cần thực hiện như quy định của hộ kinh doanh thể thao (theo quy định tại Khoản 25, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao) (Khánh Hòa).

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính quy định mức, tỷ trọng chi ngân sách cho cho sự nghiệp TDTT (Bắc Kạn, Hòa Bình). Đề nghị Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch tham mưu thay đổi định mức dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương (theo Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg, ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao hiện nay rất thấp, không đáp ứng nhu cầu thực tế phát triển phong trào thể dục thể thao tại địa phương) và tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách về thể dục thể thao, nhất là chính sách ưu đãi đối với lực lượng tham gia công tác thể dục thể thao và thu hút tài năng thể thao (Khánh Hòa).

Tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành liên quan ký kết các chương trình phối hợp về quản lý, chỉ đạo, tổ chức hoạt động thể thao góp phần nâng cao số lượng và chất lượng người tập TDTT thường xuyên; trong đó chú trọng hoạt động thể thao trường học nhằm tạo nguồn cho tuyển chọn và đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao để triển khai thực hiện trong toàn quốc (Vĩnh Phúc).

Đưa tỉnh Hà Giang, Kiên Giang vào danh mục là tỉnh đầu tư trọng điểm trong chương trình Quốc gia về thể dục thể thao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Hà Giang, Kiên Giang). Xem xét, quy hoạch Lào Cai là một tỉnh phát triển kinh tế thể thao trong thời gian tới (Lào Cai).

Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hỗ trợ Đồng Nai phát triển các môn thể thao mũi nhọn bằng cách giới thiệu các chuyên gia, các huấn luyện viên có trình độ và nhiều kinh nghiệm đến Đồng Nai huấn luyện các đội tuyển của tỉnh (Đồng Nai).

Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tham mưu Chính phủ tăng cường chỉ đạo các tỉnh, thành phố đầu tư cơ sở vật chất thể dục, thể thao cho địa phương, xây dựng khu thể thao cấp huyện như sân vận động, nhà tập, hồ bơi, ... và xây dựng cơ sở vật chất thể dục, thể thao cấp xã theo Chương trình xây dựng nông thôn mới; hoàn thiện các văn bản hướng dẫn về xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các xã, phường, thị trấn (Hải Phòng). Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng các thiết chế thể thao cấp tỉnh có quy mô quốc gia như sân vận động tỉnh giai đoạn 2, khu thể thao dưới nước, trường bắn, hệ thống sân golf và đẩy nhanh tiến độ xây dựng Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia tại Thị xã Sa Pa và hoàn thành vào năm 2022 (Lào Cai). Quan tâm hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật các công trình TDTT trọng điểm của tỉnh, nhằm đảm bảo điều kiện tham gia đăng cai tổ chức các giải thể thao cấp quốc gia, quốc tế (Bình Định).

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu hỗ trợ nguồn vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia để tiếp tục xây dựng các thiết chế thể thao ở địa phương, nhất là các xã nông thôn mới (Vĩnh Long). Tham mưu Chính phủ xem xét, bố trí kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho thể thao thành tích cao Đà Nẵng để Đà Nẵng là một trong những trung tâm Văn hóa - Thể thao của đất nước, trung tâm tổ chức sự kiện tầm khu vực và quốc tế phù hợp với ý kiến chỉ đạo của Ban chấp hành Trung ương tại Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị và Vùng trung tâm trọng điểm đào tạo tài năng thể thao cho quốc gia theo Quyết định số 2054/QĐ-TTg, ngày 13/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Đà Nẵng).

Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài Chính quan tâm, huy động các nguồn lực tài trợ trong và ngoài nước đầu tư hỗ trợ tỉnh Điện Biên xây dựng các công trình TDTT trọng điểm; xây dựng cơ sở vật chất thể thao trường học; hỗ trợ kinh phí triển khai thực hiện Đề án 641 của Thủ tướng Chính phủ về tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam, giai đoạn 2011-2030 (Điện Biên).

Đề nghị Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quan tâm, hỗ trợ ngân sách cho các địa phương còn khó khăn thực hiện xây dựng các công trình thể dục, thể thao trọng điểm; trong đó ưu tiên đầu tư xây dựng Nhà thi đấu đa năng của tỉnh nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất đảm bảo đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của Nhân dân, yêu cầu huấn luyện nâng cao thành tích cho các môn thể thao trọng điểm và đăng cai tổ chức thi đấu các giải thể thao cấp quốc gia và quốc tế (Quảng Bình).

Quan tâm hỗ trợ kinh phí cho tỉnh Bắc Giang xây dựng khu thể thao của tỉnh bảo đảm tiêu chuẩn tổ chức các sự kiện quốc gia, khu vực và quốc tế trong thời gian tới theo chương trình dự án trọng điểm quốc gia (Bắc Giang).

Quan tâm hỗ trợ kinh phí cho tỉnh trong việc xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng, kỹ thuật thể dục thể thao như hoàn chỉnh hạng mục sân vận động tỉnh, hồ bơi cho vận động viên tập trung tập luyện (Hậu Giang).

Kiến nghị Trung ương dành kinh phí cho các tỉnh để thực hiện Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030 (Kiên Giang).

Đề nghị Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch hỗ trợ kinh phí đầu tư để tỉnh tổ chức thực hiện công tác huấn luyện, xây dựng lực lượng vận động viên thành tích cao quốc gia (Tuyên Quang). Tăng cường hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật để tỉnh có điều kiện tham gia đăng cai tổ chức các giải thể thao quốc gia và khu vực (Bắc Kạn, Hòa Bình).

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng các công trình thể thao (sân bóng đá, bóng chuyền, nhà thi đấu đa năng...) cho các huyện, xã còn khó khăn, nhất là những tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách và vùng dân tộc ít người (Bạc Liêu).

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp bộ, ngành liên quan kêu gọi tài trợ, hỗ trợ thí điểm việc xây dựng bể bơi tại các cấp học trên phạm vi toàn quốc, nhất là các tỉnh còn khó khăn. Có phương án hỗ trợ kinh phí và các điều kiện đảm bảo khác để thực hiện có hiệu quả Chương trình bơi an toàn, phòng, chống đuối nước (Hà Tĩnh).

Tiếp tục quan tâm hỗ trợ nguồn lực, kinh phí, pháp lý và chuyên môn để tỉnh Đắk Lắk triển khai xây dựng Khu Liên hợp thể thao Tây Nguyên hoàn thành vào năm 2025 (Đắk Lắk). Hỗ trợ kinh phí và dự án phục vụ hoạt động thể dục thể thao nhằm tiếp tục triển khai và thực hiện các nhiệm vụ tiếp theo trong giai đoạn mới (Hà Giang). Quan tâm đầu tư, xây dựng các công trình cho đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao của các địa phương trong cả nước (Vĩnh Phúc).

4.2. Cơ chế, chính sách đối với nguồn nhân lực

Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp đối với đội ngũ cán bộ, người lao động trong lĩnh vực thể dục thể thao như: nâng mức chi tiêu tài chính đối với các giải thể

thao thay thế Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL, ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; giải quyết đầu ra, việc làm cho vận động viên sau thời kỳ làm nhiệm vụ thi đấu (Hung Yên). Quy định cụ thể về chế độ đặc thù đối với vận động viên cấp I, kiện tướng quốc gia (Bắc Kạn, Hòa Bình).

Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sớm phối hợp với Bộ Tài chính có những điều chỉnh Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL, ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao, phù hợp với tình hình thực tế hiện nay (Đồng Nai).

Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sớm thay đổi Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL, ngày 30/12/2011 của Bộ tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về “Quy định chế độ tài chính đối với các giải thể thao” cho phù hợp với tình hình hiện nay (Thừa Thiên Huế).

Tiếp tục ban hành cơ chế, chính sách, quy định cụ thể về các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên các tuyến, về chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao... phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội hiện nay (Quảng Ninh).

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách đãi ngộ đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích xuất sắc, đặc biệt các vận động viên đạt huy chương Olympic; chế độ chính sách đối với vận động viên có nhiều cống hiến, nghỉ tập do quá tuổi, do chấn thương; xem xét cơ chế tuyển dụng giáo dục thể chất của các trường phổ thông từ nguồn huấn luyện viên, vận động viên (Hà Nội).

Đề nghị Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hướng dẫn về chế độ dinh dưỡng cho vận động viên các đội tuyển thể thao học sinh và chế độ chi tiêu đối với các giải thể thao học sinh (Kiên Giang).

Có cơ chế, chính sách ưu đãi phù hợp đối với đội ngũ huấn luyện viên, vận động viên, người lao động trong lĩnh vực thể dục, thể thao; giải quyết chế độ, việc làm cho vận động viên sau thời kỳ làm nhiệm vụ thi đấu (Hải Dương).

Đề nghị Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch sớm có hướng dẫn về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên khi tham dự các giải thể thao quần chúng theo hệ thống thi đấu thể thao quần chúng quốc gia hằng năm và có chế độ đãi ngộ đối với cộng tác viên thể dục, thể thao ở cơ sở (Long An).

Tham mưu các quy định thống nhất về kinh phí hỗ trợ hàng tháng cho cán bộ kiêm nhiệm công tác TDTT cấp xã (Đắk Nông).

4.3. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng khoa học, khen thưởng

Tiếp tục có kế hoạch mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng huấn luyện viên, trọng tài cấp cao cho địa phương. Đặc biệt là cử chuyên gia, huấn luyện viên giúp đỡ tỉnh về công tác ứng dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến vào công tác tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao thành tích cao, huấn luyện viên ở các môn thể thao mũi nhọn trọng điểm của tỉnh. Ưu tiên cho tỉnh Đắk Lắk tổ chức đăng cai một số giải cấp quốc gia (Đắk Lắk). Hằng năm, có kế hoạch tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, tuyển chọn tài năng thể thao, giám định khoa học huấn luyện và phương pháp huấn luyện thể thao hiện đại cho đội ngũ huấn luyện viên và cán bộ quản lý TDTT (Bắc Kạn, Hòa Bình).

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tổng cục Thể dục thể thao thường xuyên mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn về công tác quản lý, nghiệp vụ, công tác trọng tài, huấn luyện viên, cán bộ làm công tác thể dục thể thao tại địa phương (Quảng Nam).

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quan tâm, giúp đỡ đào tạo vận động viên một số môn thể thao có thế mạnh của tỉnh; hỗ trợ kinh phí, trang thiết bị tập luyện, thường xuyên cử huấn luyện viên, chuyên gia giúp đỡ về chuyên môn, cho phép đăng cai và tổ chức các giải thể thao quốc gia và mở các lớp tập huấn chuyên môn tại địa phương (Quảng Ngãi).

Áp dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ, y học hiện đại trong công tác tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện, thi đấu thể thao và chữa trị chấn thương (Quảng Ninh).

Tăng cường công tác giáo dục chính trị, đạo đức, tinh thần yêu quê hương, đất nước cho lực lượng huấn luyện viên, vận động viên (Quảng Ninh).

Chỉ đạo các trung tâm Thể dục - Thể thao quốc gia khu vực quan tâm phối hợp và hỗ trợ về công tác đào tạo huấn luyện viên, vận động viên, trọng tài, ứng dụng khoa học công nghệ mới trong lĩnh vực thể thao thành tích cao (Kon Tum).

Tiếp tục có kế hoạch mở các lớp đào tạo huấn luyện viên, trọng tài; đồng thời ưu tiên, tạo điều kiện để Đắk Nông được đăng cai một số giải thi đấu cấp Quốc gia trong thời gian tới (Đắk Nông). Tổ chức các hoạt động tập huấn, trang bị kiến thức, kỹ năng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên giáo dục thể chất trong nhà trường (Bắc Giang). Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, huấn luyện viên nhằm nâng cao trình độ đào tạo, huấn luyện, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao (Lai Châu). Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ, huấn luyện viên, cộng tác viên cơ sở, giới thiệu các địa phương, các cơ sở tiêu biểu trong phát triển công tác thể dục thể thao để nhân rộng (Lạng Sơn). Đề nghị Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch chỉ đạo Tổng

cục Thể dục thể thao thường xuyên mở các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ thể dục thể thao cho công chức văn hóa – xã hội ở các xã, phường, thị trấn (Long An). Đề nghị Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý về công tác TDTT; các lớp về ứng dụng khoa học, công nghệ và y học thể thao hiện đại trong công tác tuyển chọn, đào tạo và hồi phục sức khỏe cũng như chế độ dinh dưỡng cho vận động viên (Thái Bình).

Mở các lớp về ứng dụng khoa học, công nghệ, y học thể thao hiện đại trong công tác tuyển chọn, đào tạo và hồi phục sức khỏe cũng như chế độ dinh dưỡng trong khẩu phần ăn cho vận động viên tại các tỉnh phía Nam (Hậu Giang).

Việc tập huấn đội tuyển quốc gia các môn thể thao cần phân bố ở cả 4 Trung tâm huấn luyện quốc gia cho phù hợp điều kiện của vận động viên các vùng miền; có ý kiến đến các bộ, ngành, Thủ tướng Chính phủ sớm ban hành quy định về lựa chọn nhà đầu tư đối với các dự án thể thao nói chung và các dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa nói riêng (Tp Hồ Chí Minh).

Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học vào thể dục, thể thao quần chúng, đặc biệt là các phương pháp tập luyện thể dục, thể thao phù hợp với từng đối tượng, từng vùng miền, từng môn thể thao nhằm tăng cường sức khỏe (Hải Phòng).

Tăng cường hợp tác, giao lưu thể dục thể thao với các nước trong khu vực và trên thế giới (Quảng Ninh).

Hướng dẫn cụ thể công tác thi đua, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chiến lược phát triển thể dục, thể thao cũng như trong việc thực hiện Nghị quyết (Hà Nam).

4.4. Đăng cai tổ chức các giải thể thao

Quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho Bình Định được đăng cai tổ chức các giải đấu thể thao cấp quốc gia, quốc tế nhằm thúc đẩy hoạt động TDTT của tỉnh phát triển (Bình Định)

Chỉ đạo Tổng cục Thể dục thể thao ủy nhiệm đăng cai, hỗ trợ kinh phí, phối hợp tổ chức các giải thể thao quốc gia, khu vực đăng cai tổ chức phù hợp với điều kiện của tỉnh Lạng Sơn; tạo điều kiện thuận lợi cho các vận động viên xuất sắc của tỉnh Lạng Sơn được tập huấn dài hạn tại các đội tuyển quốc gia ở trong và ngoài nước để duy trì và nâng cao thành tích (Lạng Sơn).

Xem xét giao Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức các sự kiện thể thao lớn của quốc gia, khu vực, châu lục, các giải thể thao trong hệ thống giải của châu Á, thế giới do Việt Nam đăng cai (Tp Hồ Chí Minh). Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tạo điều kiện, ưu tiên cho tỉnh Thừa Thiên Huế đăng cai tổ chức các giải

thể thao mang tầm khu vực và quốc tế (Thừa Thiên Huế). Quan tâm lựa chọn Lào Cai đăng cai tổ chức các giải thi đấu thể thao có quy mô quốc tế để quảng bá tiềm năng phát triển du lịch (Lào Cai).

5. Các bộ, ngành khác

Bộ Tài chính cần xem xét tăng chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, trọng tài, cộng tác viên cơ sở; tăng mức khen thưởng tương xứng với công lao cống hiến của các tập thể, cá nhân vận động viên thi đấu đạt thành tích cao (Vĩnh Long).

Đề nghị Bộ Y tế hướng dẫn, quy định chế độ miễn giảm tiền khám sức khỏe cho vận động viên thi đấu giải thể thao ở các cấp, đặc biệt đối với vận động viên dự thi các giải thể thao phong trào từ cấp xã đến cấp tỉnh (do chi phí này cao dẫn đến hạn chế số lượng các đơn vị, cá nhân dự thi các giải, hội thao); tăng định mức kinh phí bồi dưỡng cho lực lượng nhân viên y tế tại các giải thể thao các cấp (Khánh Hòa).

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo: Đẩy mạnh các hoạt động giáo dục thể chất trong trường học, nâng cao tầm vóc, thể lực của học sinh (Quảng Ninh). Hằng năm tổ chức nhiều lớp tập huấn, bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho cán bộ, giáo viên làm công tác thể dục, thể thao (Đà Nẵng, Hưng Yên, Quảng Bình). Thay đổi chương trình học văn hóa đối với lực lượng vận động viên thể thao thành tích cao cho phù hợp nhằm tạo điều kiện cho vận động viên vừa học tốt văn hóa (hệ công lập) vừa đảm bảo thời gian tập luyện để vươn tới đỉnh cao, với mục tiêu đào tạo vận động viên phát triển toàn diện. Cần có sự thay đổi về quy định thời lượng dạy học môn thể dục, do thời lượng 02 tiết/tuần là không đủ để đảm bảo thực hiện mục tiêu của Chương trình phổ thông mới (Đà Nẵng). Xây dựng hình thức khuyến khích học sinh tham gia các giải thể thao, thông qua việc công nhận thành tích thể thao tại các giải thể thao cấp tỉnh, cộng điểm thưởng đối với vận động viên là học sinh các cấp đạt thành tích; xây dựng môn bơi trở thành môn học bắt buộc đối với học sinh, sinh viên (Khánh Hòa).

PHỤ LỤC IV
Các chỉ số thống kê về thể dục, thể thao

| TT | NỘI DUNG | ĐVT | 2011 | 2016 | 2020 |
|-----------|---|------|--------|--------|--------|
| I. | Thể dục, thể thao cho mọi người | | | | |
| 1. | Thể dục, thể thao quần chúng | | | | |
| 1.1 | Tỷ lệ số người tập luyện TDTT thường xuyên (số người/tổng dân số) | % | 24.1 | 29.53 | 34.4 |
| 1.2 | Tỷ lệ gia đình luyện tập TDTT (số gia đình luyện tập/tổng số hộ gia đình) | % | 16 | 21.15 | 25.6 |
| 1.3 | Tổng số cộng tác viên TDTT cơ sở | % | 28,495 | 35,861 | 42,709 |
| 1.4. | Tổng số câu lạc bộ thể thao | CLB | 45,822 | 57,869 | 66,696 |
| 1.5. | Tổng số giải thi đấu TDTT phong trào | Giải | 32,824 | 35,808 | 27618 |
| 1.5.1. | Tổng số giải thi đấu phong trào cấp đơn vị, cơ sở (xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị tổ chức) | Giải | 25,829 | 28,135 | 21,164 |
| 1.5.2. | Tổng số giải thi đấu phong trào cấp huyện, quận | Giải | 6,545 | 7,219 | 5,578 |
| 1.5.3. | Tổng số giải thi đấu TDTT cấp tỉnh/thành phố, ngành | Giải | 418 | 419 | 848 |
| 1.5.4. | Tổng số giải thi đấu TDTT phong trào cấp quốc gia | Giải | 32 | 35 | 28 |
| 1.6. | Cơ sở vật chất, đất đai và công trình TDTT | | | | |
| 1.6.1. | Tổng số sân tập luyện TDTT | | | | |
| - | Tổng số sân vận động có khán đài (có đường chạy) | Sân | 270 | 378 | 458 |
| - | Tổng số sân vận động không có khán đài (có đường chạy) | Sân | 3,639 | 4,940 | 6,473 |
| - | Tổng số sân bóng đá 11 người | Sân | | | |
| - | Tổng số sân bóng đá mi ni | Sân | 8,030 | 10,275 | 11,903 |
| - | Tổng số sân bóng chuyên | Sân | 22,758 | 28,053 | 30,120 |
| - | Tổng số sân bóng rổ | Sân | 1,020 | 1,724 | 2,461 |

| TT | NỘI DUNG | ĐVT | 2011 | 2016 | 2020 |
|-----------|--|-----------|--------|--------|--------|
| - | Tổng số sân cầu lông | Sân | 19,108 | 24,679 | 27,390 |
| - | Tổng số sân quần vợt | Sân | 1,648 | 2,450 | 2,930 |
| - | Tổng số các loại sân thể thao khác | Sân | 11,703 | 16,123 | 17,035 |
| 1.6.2. | Tổng số nhà tập luyện, thi đấu TDTT | Nhà | 4776 | 7285 | 9367 |
| - | Tổng số nhà tập luyện, thi đấu đa năng | Nhà | 894 | 1,515 | 1,973 |
| - | Tổng số nhà tập luyện đơn môn TDTT | Nhà | 3,882 | 5,770 | 7,394 |
| 1.6.3. | Tổng số bể bơi | BỂ | 417 | 1143 | 1923 |
| - | Tổng số bể bơi có chiều dài 50 m | BỂ | 98 | 203 | 318 |
| - | Tổng số bể bơi có chiều dài 25 m | BỂ | 319 | 940 | 1,605 |
| 2. | Giáo dục thể chất, thể thao trường học | | | | |
| 2.1. | Giáo dục mầm non | | | | |
| - | Tổng số cơ sở giáo dục mầm non | Cơ sở | 14.375 | 15.265 | 15.476 |
| - | Tổng số cơ sở giáo dục mầm non thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình môn học giáo dục thể chất | % | 80 | 80 | 100 |
| - | Tổng số cơ sở giáo dục mầm non tổ chức dạy hoặc phổ biến các môn võ thuật cổ truyền Việt Nam | % | 25 | 48 | 61 |
| - | Tổng số trường mầm non có sân chơi, phòng học giáo dục thể chất đạt tiêu chuẩn | % | 42 | 50 | 80 |
| - | Tổng số giáo viên mầm non được bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục phát triển thể chất cho trẻ em | Giáo viên | 8.346 | 11.125 | 21.300 |
| - | Tổng số cơ sở giáo dục mầm non thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam | Cơ sở | 14.375 | 15.265 | 15.476 |
| 2.2. | Giáo dục phổ thông | | | | |
| - | Tổng số cơ sở giáo dục phổ thông | Cơ sở | 17.098 | 17.771 | 16.812 |
| - | Tổng số cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình môn học giáo dục thể chất | % | 100 | 100 | 100 |
| - | Tổng số cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá giáo dục thể chất | % | 75,5 | 85,7 | 100 |
| - | Tổng số cơ sở giáo dục phổ thông duy trì thường xuyên tập thể dục buổi sáng, tập thể dục giữa giờ | % | 100 | 100 | 100 |

| TT | NỘI DUNG | ĐVT | 2011 | 2016 | 2020 |
|----|---|-----------|-------|-------|-------|
| - | Tổng số cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức dạy bơi cho học sinh | % | 5 | 11 | 72 |
| - | Tổng số cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức dạy hoặc phổ biến các môn võ thuật cổ truyền Việt Nam | % | 21 | 35 | 63,5 |
| - | Tổng số cơ sở giáo dục phổ thông có câu lạc bộ các môn thể thao dành cho học sinh | % | 68 | 90 | 97 |
| - | Tổng số trường tiểu học có sân tập | % | 75 | 85,3 | 92,5 |
| - | Tổng số trường tiểu học có nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn | % | 1 | 2 | 5 |
| - | Tổng số trường trung học cơ sở có sân tập | % | 93 | 95 | 99 |
| - | Tổng số trường trung học cơ sở có nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn | % | 7,1 | 13,1 | 18,9 |
| - | Tổng số trường trung học phổ thông có sân tập | % | 96,6 | 98 | 100 |
| - | Tổng số trường trung học phổ thông có nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn | % | 30 | 52,2 | 75,3 |
| - | Tổng số giáo viên tiểu học bảo đảm tiêu chuẩn, trình độ đào tạo | % | 50 | 67,5 | 81,3 |
| - | Tổng số giáo viên tiểu học được bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa | Giáo viên | 3.452 | 5.225 | 9.451 |
| - | Tổng số trường trung học cơ sở có đủ giáo viên thể dục, thể thao | % | 87 | 90 | 96,5 |
| - | Tổng số giáo viên trung học cơ sở đạt tiêu chuẩn và trình độ đào tạo | % | 100 | 100 | 100 |
| - | Tổng số giáo viên trung học cơ sở được bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa | Giáo viên | 896 | 1.212 | 1.542 |
| - | Tổng số trường trung học phổ thông có đủ giáo viên thể dục, thể thao | % | 98 | 100 | 100 |
| - | Tổng số giáo viên trung học phổ thông đạt tiêu chuẩn và trình độ đào tạo theo quy định | % | 100 | 100 | 100 |
| - | Tổng số giáo viên trung học phổ thông được bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa | Giáo viên | 793 | 1.089 | 1.556 |
| - | Tổng số trường phổ thông có nhiều cấp học có đủ giáo viên thể dục, thể thao | % | 100 | 100 | 100 |

| TT | NỘI DUNG | ĐVT | 2011 | 2016 | 2020 |
|------|---|-----------|------|------|------|
| - | Tổng số giáo viên trường phổ thông có nhiều cấp học đạt tiêu chuẩn và trình độ đào tạo | % | 100 | 100 | 100 |
| - | Tổng số giáo viên trường phổ thông có nhiều cấp học được bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa | Giáo viên | 341 | 756 | 812 |
| - | Tỷ lệ học sinh thường xuyên tham gia hoạt động thể thao ngoại khóa | % | 72,8 | 81,3 | 95,8 |
| - | Tỷ lệ học sinh đạt tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thể lực theo độ tuổi | % | 83,1 | 83,5 | 84,6 |
| 2.3. | Giáo dục đại học | | | | |
| - | Tổng số cơ sở giáo dục đại học | Cơ sở | 245 | 236 | 237 |
| - | Tổng số cơ sở giáo dục đại học thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình môn học giáo dục thể chất | % | 100 | 100 | 100 |
| - | Tổng số cơ sở giáo dục đại học thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá giáo dục thể chất | % | 100 | 100 | 100 |
| - | Tổng số cơ sở giáo dục đại học tổ chức dạy hoặc phổ biến các môn võ thuật cổ truyền Việt Nam | % | 79 | 100 | 100 |
| - | Tổng số cơ sở giáo dục đại học có câu lạc bộ thể thao dành cho sinh viên | % | 9 | 95 | 100 |
| - | Tổng số cơ sở giáo dục đại học có sân tập | % | 90 | 100 | 100 |
| - | Tổng số cơ sở giáo dục đại học có nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn | % | 63 | 72,5 | 81,1 |
| - | Tổng số cơ sở giáo dục đại học có đủ giảng viên thể dục, thể thao và bảo đảm tiêu chuẩn, trình độ đào tạo | % | 86 | 100 | 100 |
| - | Tỷ lệ sinh viên thường xuyên tham gia hoạt động thể thao ngoại khóa | % | 75 | 78 | 80,5 |
| - | Tỷ lệ sinh viên đạt tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thể lực theo độ tuổi | % | 85 | 85,5 | 89,3 |
| 2.4. | Giáo dục đại học đào tạo giáo viên thể dục, thể thao | | | | |
| - | Tổng số cơ sở giáo dục đại học đào tạo giáo viên thể dục, thể thao | Cơ sở | 7 | 19 | 22 |
| - | Tổng số cơ sở giáo dục đại học đào tạo giáo viên thể dục, thể thao bảo đảm cơ sở vật chất (nhà tập, sân tập), trang thiết bị đạt tiêu chuẩn | % | 100 | 100 | 100 |

| TT | NỘI DUNG | ĐVT | 2011 | 2016 | 2020 |
|------------|--|-----------------|---------|---------|---------|
| 3. | Thể dục, thể thao trong quân đội | | | | |
| 3.1. | Tổng số đơn vị, cơ sở | Đơn vị | 309 | 309 | 309 |
| 3.2. | Chương trình rèn luyện thể lực cán bộ chiến sĩ | | | | |
| - | Tỷ lệ đơn vị thực hiện đủ chương trình rèn luyện thể lực cán bộ chiến sĩ | % | 97,82 | 97,92 | 96,86 |
| - | Tỷ lệ đơn vị đạt tiêu chuẩn tổ chức rèn luyện thể lực | % | 93,27 | 94,55 | 95,41 |
| - | Tỷ lệ cán bộ chiến sĩ tham gia rèn luyện thể lực | % | 84,24 | 96,55 | 88,60 |
| - | Tỷ lệ cán bộ chiến sĩ đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực | % | 92,78 | 92,91 | 93,31 |
| 3.3. | Hoạt động thể thao thường xuyên | | | | |
| - | Tỷ lệ đơn vị tổ chức hoạt động thể thao thường xuyên | % | 95,96 | 97,17 | 98,20 |
| - | Tổng số đơn vị có câu lạc bộ TDTT | CLB | 761 | 824 | 910 |
| - | Tổng số đội bóng đá | Đội | 966 | 1058 | 1108 |
| - | Tổng số cuộc thi đấu TDTT cấp đơn vị, cơ sở tổ chức | Cuộc | 2220 | 2455 | 2526 |
| - | Số cuộc tham gia thi đấu do ngành TDTT tổ chức | Cuộc | 651 | 789 | 717 |
| - | Tổng số cán bộ chiến sĩ tham gia Ngày chạy | Cán bộ chiến sĩ | 241.702 | 269.699 | 257.190 |
| 3.4. | Cơ sở vật chất phục vụ TDTT | | | | |
| - | Tổng số sân tập luyện TDTT | Sân | 7751 | 7766 | 8426 |
| - | Tổng số bể bơi | Bể | 350 | 368 | 433 |
| II. | Thể thao thành tích cao | | | | |
| 1. | Vận động viên năng khiếu cấp tỉnh, thành, ngành | VĐV | 7528 | 7858 | 8558 |
| 2. | Vận động viên trẻ cấp tỉnh, thành, ngành | VĐV | 5588 | 5941 | 6078 |
| 3. | Vận động viên đội tuyển cấp tỉnh, thành, ngành | VĐV | 5419 | 6889 | 7281 |

| TT | NỘI DUNG | ĐVT | 2011 | 2016 | 2020 |
|-------------|--|------------|-----------|------|------|
| 4. | Vận động viên được triệu tập vào đội tuyển trẻ quốc gia (lượt vận động viên) | VĐV | 823 | 735 | 1060 |
| 5. | Vận động viên được triệu tập vào đội tuyển quốc gia (lượt vận động viên) | VĐV | 897 | 984 | 1637 |
| 6. | Vận động viên đạt cấp kiện tướng | VĐV | 1504 | 2115 | 1867 |
| 7. | Vận động viên đạt đẳng cấp I | VĐV | 2005 | 2858 | 2541 |
| 8. | Tổng số huy chương đạt được tại các giải quốc tế (Năm 2019: 1485 huy chương; năm 2020: 45 huy chương (do đại dịch bệnh COVID-19 các giải thi đấu thể thao quốc tế không tổ chức) | Huy chương | 773 | 1212 | 1485 |
| 9. | Huấn luyện viên | | | | |
| | Cấp quốc gia | HLV | 376 | 471 | 510 |
| | Cấp tỉnh, thành phố | HLV | 1963 | 2459 | 2742 |
| 10. | Trọng tài thể thao | | | | |
| | Trọng tài cấp quốc tế | Trọng tài | 265 | 287 | 313 |
| | Trọng tài cấp quốc gia | Trọng tài | 1365 | 1663 | 1962 |
| III. | Tổng số tổ chức xã hội nghề nghiệp về TDTT | | | | |
| 1. | Tổng số liên đoàn, hiệp hội TDTT | LĐ, HH | 23 | 28 | 37 |
| 2. | Liên đoàn, Hiệp hội thể thao là thành viên liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia | LĐ, HH | 259 | 377 | 451 |
| 3. | Tổng số tổ chức xã hội nghề nghiệp tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn TDTT (Nguồn báo cáo Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương) | Tổ chức | 1.396 CLB | | |
| 4. | Tổng số liên đoàn, hiệp hội thể thao tham gia điều hành hoạt động thể thao | LĐ, HH | 23 | 28 | 37 |
| IV. | Tổng số nguồn lực huy động từ các tổ chức xã hội, cá nhân (Nguồn báo cáo Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương) | Tỷ đồng | 833,1 | | |

V. Đầu tư nguồn lực, cơ sở vật chất cho công tác TĐTT

(Nguồn Báo cáo Bộ Tài chính)

| TT | Nội dung | Giai đoạn 2011-2020 (ĐVT: Tỷ đồng) |
|-----|--|---------------------------------------|
| 1 | Tổng chi NSNN | 12.327.780 |
| 2 | Tổng chi NSNN cho lĩnh vực TĐTT | 56.731 |
| 2.1 | Chi thường xuyên | 35.926 |
| 2.2 | Chi đầu tư phát triển | 20.805 |
| 3 | Tỷ lệ chi NSNN cho TĐTT/ Tổng chi NSNN (%) | 0.46% |